

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN KHÁNH

KIỂM SÁT ĐIỀU TRA
CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY THEO
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, Năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN KHÁNH

**KIỂM SÁT ĐIỀU TRA
CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY THEO
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN VĂN HIỂN**

HÀ NỘI, Năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

Tác giả luận văn

Nguyễn Văn Khánh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN.....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy.....	7
1.2. Kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.....	13
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2010 – 2015.....	32
2.1. Khái quát kết quả hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.....	32
2.2. Một số hạn chế, bất cập trong kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.....	40
CHƯƠNG 3. NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ...	51
3.1. Dự báo tình hình tội phạm về ma túy trong thời gian tới	52
3.2. Các giải pháp nâng cao năng lực kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy.	53
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
KSV	Kiểm sát viên
KSĐT	Kiểm sát điều tra
KSXX	Kiểm sát xét xử
NCTN	Người chưa thành niên
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
THQCT	Thực hành quyền công tố
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Số vụ án, bị can VKS phải thụ lý KSĐT	34
2.2.	Số vụ án, bị can VKS phải xử lý	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và để đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta trong tình hình hiện nay đòi hỏi phải đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, trong đó việc đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND là một nội dung quan trọng được thể hiện trong nhiều nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó xác định nhiều nội dung về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, về VKSND, Nghị quyết nêu rõ: “Trước mắt, VKSND giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. VKSND được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển VKS thành Viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra”; Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ chính trị đã đặt ra yêu cầu: "VKS các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng làm nhiệm vụ. Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ. VKS các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền

phê chuẩn của mình".

Vì vậy, để nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và KSĐT, thì yêu cầu đặt ra là phải gắn hoạt động công tố với hoạt động điều tra. Từ đó, đặt ra yêu cầu VKSND cần phải nâng cao chất lượng KSĐT các vụ án về ma túy để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác cũng như yêu cầu của cải cách tư pháp.

Như chúng ta đã biết, điều tra là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng trong TTHS. Điều tra là giai đoạn đầu tiên trong quá trình tố tụng, đồng thời nó cũng là giai đoạn rất quan trọng bởi vì, hầu hết các tội phạm được xác minh và làm rõ trong quá trình điều tra. Chính vì vậy, chức năng KSĐT của VKS là yêu cầu tất yếu nhằm hạn chế tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng vi phạm các quy định trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lạm dụng việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, vi phạm trong hoạt động đình chỉ, tạm đình chỉ, tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung vẫn còn tồn tại.

Thông qua thực tiễn công tác, tác giả quyết định chọn đề tài: *“Kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng”* làm luận văn thạc sỹ luật học nhằm đi sâu vào tìm hiểu những quy định của pháp luật về áp dụng pháp luật trong KSĐT của VKSND. Bên cạnh đó, đề tài cho chúng ta cái nhìn khách quan về thực trạng về hoạt động KSĐT đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác KSĐT các vụ án về ma túy cũng như các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, việc nghiên cứu về hoạt động điều tra hình sự cũng như hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy và án hình sự của VKSND đã thu hút được nhiều nhà hoạt động thực tiễn nghiên cứu. Đã có nhiều bài báo,

đề tài khoa học của các cán bộ quản lý, các nhà khoa học và của các học viên, nghiên cứu sinh, giáo trình của các trường Đại học Luật, tạp chí chuyên ngành cũng như các luận án, luận văn tiến sĩ, thạc sĩ đề cập nghiên cứu về vấn đề này, cụ thể như:

- *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự* của Viện Khoa học hình sự Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Nxb Văn hóa dân tộc; *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội; Lê Hữu Thê “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*”. Nxb Tư pháp – Hà Nội; Trịnh Duy Tám, “*Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân ở Việt Nam hiện nay*”, năm 2014; Tiến sĩ Phạm Mạnh Hùng, “*Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về quan hệ giữa Viện Kiểm sát và Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí chuyên ngành.; Tiến sĩ Phạm Mạnh Hùng, “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc khởi tố vụ án hình sự và việc kiểm sát việc khởi tố vụ án*”, Tạp chí Kiểm sát.; Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Ngọc Quang, “*Hoàn thiện thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*”, Tạp chí Kiểm sát số 8/2015.; Tiến sĩ Trần Công Phàn, “*Viện Kiểm sát nhân dân các cấp cần làm tốt việc tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”, Tạp chí Kiểm sát số 16/2015.

Những công trình nghiên cứu, bài viết trên đã tập trung nghiên cứu về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra của VKSND. Đây là tài liệu rất có giá trị để tham khảo. Riêng địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa có công trình nào nghiên cứu về việc áp dụng pháp luật trong hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy theo pháp luật TTHS.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài luận văn là làm rõ các vấn đề lý luận và thực trạng hoạt động KSĐT vụ án hình sự các tội phạm về ma túy của các cơ quan VKSND thành phố Đà Nẵng, chỉ rõ những hạn chế tồn tại và các nguyên nhân của vấn đề trên. Từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả KSĐT vụ án ma túy của các Cơ quan VKSND thành phố Đà Nẵng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Trên cơ sở mục đích nghiên cứu được xác định, đề tài luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Nghiên cứu phân tích làm rõ các vấn đề lý luận về tội phạm ma túy, điều tra vụ án ma túy, KSĐT vụ án ma túy của cơ quan Viện kiểm sát.

+ Đánh giá thực trạng hoạt động KSĐT vụ án ma túy của các Cơ quan VKSND thành phố Đà Nẵng.

+ Đề xuất hệ thống giải pháp để nâng cao hiệu quả KSĐT vụ án hình sự các tội phạm về ma túy của các cơ quan VKSND thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung vào những vấn đề sau:

+ Những vấn đề lý luận về thi hành pháp luật và thi hành pháp luật trong hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy.

+ Thực tiễn thi hành pháp luật trong KSĐT đối với hoạt động của CQĐT.

+ Nguyên nhân phát sinh những tồn tại trong thi hành pháp luật của quá trình KSĐT và của CQĐT.

+ Những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KSĐT các

vụ án về ma túy của VKS.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật TTHS về việc thi hành pháp luật của VKSND trong KSĐT các vụ án về ma túy.

Về thời gian: Tính từ ngày 01/12/2010 đến 01/12/2015.

Về địa bàn: Luận văn chọn khảo sát thực tế tại VKSND thành phố Đà Nẵng.

5. Phương pháp lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các quan điểm của Đảng và pháp luật TTHS hiện hành quy định về việc thi hành pháp luật của VKSND đối với hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp: Logic, thống kê, phân tích, tổng hợp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Qua kết quả nghiên cứu và những kiến nghị của luận văn có ý nghĩa góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND nói chung cũng như là của KSV nói riêng trong công tác KSĐT. Thông qua kết quả nghiên cứu và các kiến nghị, tác giả mong muốn góp phần hoàn thiện những quy định của pháp luật TTHS hiện hành để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ đang làm công tác tại VKS, đặc biệt là các KSV giải quyết án hình sự. Bên cạnh đó, luận văn có thể được sử dụng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học

tại các trường Kiểm sát, Công an nhân dân, Tòa án, các Học viện, trường đại học đào tạo cử nhân Luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được kết cấu gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của các cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân.

Chương 2: Thực trạng kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2011-2015.

Chương 3: Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy

1.1.1. Khái niệm về ma túy và những vấn đề lý luận về điều tra các vụ án về ma túy

Ma túy là gì? Và có từ bao giờ cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời chính xác nhất mà chỉ có thể khẳng định rằng từ xa xưa, do trình độ nhận thức của con người còn thấp, nền y học chưa phát triển, việc chữa bệnh của con người phần lớn là sử dụng các loại cây cỏ, trong đó có những loại cây cỏ có tính đặc trị một số bệnh và được lưu truyền cho đến nay, trong những loại cây chữa bệnh có cả cây thuốc phiện, cây cần sa và cây côca. Trong quá trình sử dụng, bên cạnh tác dụng của những loại cây này trong việc chữa một số bệnh, thì người ta cũng phát hiện ra tác hại của nó. Tuy được coi là dược phẩm, song vẫn đề là phải sản xuất quản lý hợp lý và sử dụng chính đáng, nếu sử dụng không chính đáng hoặc lạm dụng, thì các chất được gọi là “dược phẩm” đó sẽ mất đi hàm ý và tác dụng về mặt y học, dần dần bị người ta coi là “chất độc”, nó làm cho con người mê mẩn, ngây ngất, túy lúy, không làm chủ được hành vi, có nhiều hành xử lệch chuẩn với đạo đức, bị xã hội lên án. Đứng trước quan điểm pháp luật mà xét thì ma túy được lý giải là một chất đặc biệt có hại nghiêm trọng đến con người và xã hội, thuộc chất bị cấm, là loại hàng hóa bị pháp luật quản lý nghiêm ngặt và khống chế sử dụng. Tuy quan điểm và định nghĩa về chất ma túy ở các quốc gia có sự khác nhau, song có một điểm chung đó là về việc ban hành luật kiểm soát ma túy của các nước đều đề cập và

khẳng định: ma túy bao gồm các chất gây nghiện và các chất hướng thần.

Hiện có nhiều khái niệm khác nhau về ma túy như:

Theo Liên Hợp Quốc: Ma túy là các chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức trí tuệ của con người, làm cho người lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng. Do vậy, việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất đó phải được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật và chịu sự kiểm soát của cơ quan bảo vệ pháp luật.

Theo Từ điển bách khoa Công an nhân dân: “Ma túy là thuật ngữ dùng để chỉ các hợp chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành, có tác dụng kích thích, gây ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác khiến người sử dụng bị lệ thuộc vào chúng”.

Theo Bộ luật hình sự năm 1999 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định các tội phạm về ma túy. Theo đó: Ma túy bao gồm: nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao côca, lá hoa, quả của cây cần sa, lá côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, heroin, côcain, các chất ma túy khác ở thể lỏng, các chất ma túy khác ở thể rắn.

Theo Luật phòng, chống ma túy quy định

Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Tiền chất là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban

hành.

Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ Y tế ban hành, có chứa các chất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Luật phòng, chống ma túy.

Từ những khái niệm trên ta có thể đưa ra khái niệm về ma túy như sau: *“Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp, khi được đưa vào cơ thể con người (bằng cách: tiêm, chích, hút, hít, nhai, nuốt...) nó sẽ làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý người đó. Nếu lạm dụng ma túy, con người sẽ lệ thuộc vào nó, khi đó sẽ gây tổn thương và nguy hại cho người sử dụng, cho gia đình và cộng đồng, được quy định trong các công ước của Liên Hợp Quốc và luật pháp Việt Nam về kiểm soát ma túy.”*

Tại khoản 1- Điều 8 BLHS năm 1999 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ quy định trên ta có thể đưa ra khái niệm tội phạm về ma túy như sau:

Tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước.

Đối với tội phạm về ma túy, Pháp luật hình sự Việt Nam quy định trong

BLHS năm 1999, tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XVIII, gồm có 10 điều, từ điều 192 đến điều 201. Như vậy BLHS năm 2015 các tội phạm về ma túy quy định tại Chương XX, gồm 13 điều luật, so với BLHS năm 1999 tăng thêm 3 điều luật (từ Điều 247 - Điều 259).

1.1.2. Khái niệm về kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy

Theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, BLTTHS năm 2003, Viện kiểm sát vừa được giao trách nhiệm THQCT, vừa thực hiện chức năng KSĐT vụ án hình sự, nhằm đảm bảo việc khởi tố, điều tra có căn cứ và hợp pháp, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, góp phần bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Trong lĩnh vực hình sự, THQCT và KSĐT là khâu công tác quan trọng, có ý nghĩa nền tảng, then chốt, làm cơ sở cho toàn bộ quá trình thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trong TTHS. Hai chức năng này độc lập có đối tượng tác động và nội dung khác nhau nhưng chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Kết quả của hoạt động kiểm sát là cơ sở cho hoạt động công tố có hiệu quả và ngược lại kết quả việc THQCT cũng là tiền đề cho hoạt động KSĐT.

KSĐT các vụ án hình sự về ma túy được hiểu là hoạt động của Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hình sự phát sinh trong giai đoạn điều tra, nhằm đảm bảo cho quá trình điều tra vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Pháp luật TTHS nước ta quy định, CQĐT phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Các biện pháp mà CQĐT áp dụng trong điều tra rất nhiều, tuy nhiên có thể xem xét ở hai nhóm sau:

Thứ nhất, các biện pháp tố tụng nhằm thu thập và kiểm tra chứng cứ gồm: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, khám xét, thu giữ vật chứng, giám định, nhận dạng... Việc áp dụng các biện pháp TTHS để tiến hành điều tra các vụ án về ma túy của CQĐT được gọi là các hoạt động điều tra. Trong đó VKSND mà chủ thể là KSV được phân công có trách nhiệm kiểm sát hoạt động điều tra nhằm đảm bảo cho các hoạt động này đúng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, các biện pháp nhằm thực hiện các Quyết định tố tụng quan trọng của các Cơ quan tiến hành tố tụng như: Quyết định khởi tố vụ án, bị can; áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam); đình chỉ điều tra vụ án; tạm đình chỉ điều tra các vụ án về ma túy.

Các biện pháp trên khi áp dụng đều liên quan trực tiếp tới các quyền cơ bản của công dân nên đòi hỏi việc áp dụng phải tuân thủ đúng về trình tự theo quy định của pháp luật. Nên rất cần việc giám sát chặt chẽ đảm bảo quá trình điều tra các vụ án về ma túy được thực hiện theo đúng quy định của BLTTHS năm 2003 là trách nhiệm của VKSND. KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND thực chất là kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động tư pháp của CQĐT và các Cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra trong quá trình giải quyết các vụ án về ma túy nhằm bảo đảm việc khởi tố, điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội.

Từ những vấn đề trên, chúng ta cần xem xét đối tượng và phạm vi của hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy. Đối tượng của hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy là sự tuân thủ pháp luật của các chủ thể tiến hành hoạt động điều tra (về thẩm quyền, thời hạn, thủ tục điều tra...) và các chủ thể khác tham gia quan hệ pháp luật TTHS phát sinh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự gồm:

+ Sự tuân thủ pháp luật của CQĐT khi tiến hành các hoạt động tố tụng

như khám nghiệm hiện trường, khởi tố vụ án, bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hỏi cung bị can... Với đối tượng tác động này, hoạt động KSĐT nhằm hướng tới mục đích đảm bảo sự tuân thủ pháp luật của CQĐT trong giai đoạn điều tra. Theo quy định của pháp luật thì các CQĐT gồm có: CQĐT của Công an nhân dân; CQĐT trong Quân đội nhân dân; CQĐT của VKSNDTC

+ Sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Kiểm ngư...

+ Sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra vụ án, gồm có người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Phạm vi của KSĐT các vụ án về ma túy bắt đầu từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra hoặc phát hiện được dấu hiệu của tội phạm cho tới khi kết thúc điều tra bằng bản kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền chuyển Viện kiểm sát đề nghị truy tố hoặc khi CQĐT đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án. Việc xác định phạm vi như vậy là thể hiện tính đầy đủ, toàn diện của hoạt động điều tra vụ án hình sự của VKSND, cũng như thể hiện đầy đủ bản chất pháp lý của hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự, trong đó có các vụ án về ma túy, là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp trong hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra.

Từ những nội dung trên, có thể định nghĩa về KSĐT các vụ án về ma túy như sau: KSĐT các vụ án về ma túy là chức năng hiến định của VKSND, có nội dung là giám sát trực tiếp mọi hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, nhằm đảm bảo cho pháp luật TTHS được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và thống nhất.

1.2. Kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

1.2.1. Kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các vụ án về ma túy

Trong giai đoạn này, KSV được phân công KSĐT có trách nhiệm phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết đối với các tố giác, tin báo về tội phạm; kiểm tra giám sát chặt chẽ tính hợp pháp đối với quyết định khởi tố, hoạt động khởi tố của CQĐT.

- Theo quy định tại điều 103 BLTTHS thì CQĐT có nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do các cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp. Là một trong những cơ quan trực tiếp đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ pháp luật, qua nhiều nguồn thông tin trực tiếp và gián tiếp, VKSND có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang và cá nhân chuyển đến, sau đó chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho CQĐT có thẩm quyền.

Song song với việc trực tiếp tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, VKSND phải tiến hành hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, thông qua việc yêu cầu CQĐT cung cấp thông báo đầy đủ cho VKSND các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà CQĐT đã tiếp nhận được, đồng thời phối hợp để phân loại, xử lý kịp thời.

- Kiểm sát việc khởi tố các vụ án về ma túy là nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND được pháp luật quy định. Thông qua hoạt động này, VKSND có trách nhiệm bảo đảm việc khởi tố các vụ án về ma túy của cơ quan có thẩm quyền là có căn cứ và hợp pháp, kịp thời phát hiện tội phạm và người phạm tội để điều tra, xử lý theo pháp luật.

Theo quy định tại Điều 100, BLTTHS năm 2003 thì chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định các dấu hiệu của tội phạm, việc xác định dấu hiệu phạm tội dựa trên cơ sở: “Tin báo của công dân; tin báo của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội; tin báo trên các thông tin đại chúng; CQĐT, VKSND, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân trực tiếp phát hiện tội phạm; người phạm tội tự thú” [16].

- Kiểm sát việc khởi tố bị can phạm tội về ma túy là nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong công tác KSDT nhằm đảm bảo cho mọi quyết định khởi tố bị can đều có căn cứ, hợp pháp, đúng người, đúng tội trên cơ sở đó tiến hành điều tra, xử lý theo pháp luật,

+ Đảm bảo tính hợp pháp của việc khởi tố bị can phạm tội về ma túy: Thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can; nội dung, hình thức của quyết định khởi tố bị can phải theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 126, BLTTHS năm 2003: “Quyết định khởi tố bị can phải ghi rõ thời gian, địa điểm ra quyết định; họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của bị can; bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều nào của BLHS; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm” [16].

Việc pháp luật quy định chặt chẽ như vậy để tránh nhầm lẫn các bị can (nếu trong vụ án có nhiều bị can) hoặc để cho chính bị can nắm chắc mình bị khởi tố về tội gì, khung hình phạt mà bị can phải gánh chịu là bao nhiêu để bị can biết hướng bào chữa hay nhờ người bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho mình.

Cũng như việc khởi tố vụ án ma túy, trong quá trình điều tra, nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm tội vào tội ma túy đã bị khởi tố hoặc còn hành vi phạm tội khác thì CQĐT, VKS ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Như vậy, thay đổi quyết định khởi tố bị can là trường hợp việc xác định tội danh trong quyết định khởi tố bị can

chưa đúng, cần phải áp dụng khung, khoản khác, điều khác hoặc có sai sót trong quyết định khởi tố bị can cần phải sửa chữa, bổ sung; ví dụ, nhầm ngày tháng, năm sinh. Bổ sung quyết định khởi tố bị can là trường hợp quá trình điều tra đã xác định bị can có thêm hành vi phạm tội mới hoặc trước đây bị can đã thực hiện các tội phạm khác.

Kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can là những hoạt động thực hành quyền công tố và KSĐT rất quan trọng của VKS. Đó là những hoạt động đầu tiên của một vụ án hình sự, của một công dân chính thức bị nghi vấn là thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hoạt động của VKS được xem như là một “trạm kiểm duyệt” sự oan sai, tránh bỏ lọt tội phạm của VKS đối với CQĐT ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra cho KSV phải có tinh thần trách nhiệm thì mới có thể làm tốt công tác này.

1.2.2. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong TTHS gồm: Bắt bị can để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp; bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang; tạm giữ; tạm giam; biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp bảo lãnh; biện pháp cho đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm: đảm bảo tính đúng đắn, có căn cứ và tính cần thiết của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội. Đối tượng kiểm sát là việc tuân theo pháp luật của các cơ quan và người có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với tội về ma túy. Phạm vi kiểm sát bắt đầu từ khi có người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn đến khi kết thúc, bị hủy bỏ, chấm dứt.

Kiểm sát việc phạm tội quả tang: Kiểm sát việc bắt quả tang có đúng là bắt quả tang không; việc bắt có đúng thủ tục không. Theo quy định tại khoản

1, Điều 82, BLTTHS năm 2003: “Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện hành vi tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt, cũng như người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, VKSND hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất...” [16].

Sau khi VKSND nhận được thông báo có tội phạm về ma túy bị bắt quả tang, VKSND phải cử KSV sang CQĐT và yêu cầu cung cấp biên bản phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai của người bị bắt; nếu cần thiết thì hỏi người bị bắt để kiểm tra xem việc bắt đó có thoả mãn các điều kiện quy định tại Điều 303, BLTTHS năm 2003. Nếu phát hiện đối tượng phạm tội về ma túy không đủ các điều kiện bắt quả tang thì yêu cầu CQĐT trả tự do ngay cho người bị bắt.

Kiểm sát việc bắt khẩn cấp người phạm tội về ma túy: Kiểm sát việc bắt khẩn cấp nhằm kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp về thẩm quyền, thủ tục của việc bắt khẩn cấp, bảo đảm việc bắt khẩn cấp phải đúng theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1, Điều 81, BLTTHS năm 2003, Người phạm tội về ma túy có thể bị bắt khẩn cấp nếu: “Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng; khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đó đã thực hiện hành vi phạm tội mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; khi có dấu vết của tội phạm ở người hoặc chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ” [16]. Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp mang tính cấp bách nên không cần có sự phê chuẩn trước của VKS, nhưng trong mọi trường hợp, sau khi đã bắt người, người ra lệnh bắt phải báo ngay cho VKS cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Trường hợp CQĐT trả

tự do cho người bị bắt thì CQĐT vẫn phải thông báo cho VKS. Trong trường hợp CQĐT đã ra quyết định tạm giữ, nhưng không đủ căn cứ để phê chuẩn việc bắt khẩn cấp, thì VKS ra quyết định không phê chuẩn và yêu cầu CQĐT ra quyết định huỷ bỏ tạm giữ và trả tự do ngay cho người bị bắt.

Kiểm sát việc Bắt người đang bị truy nã phạm tội về ma túy: Là bắt người đã thực hiện tội phạm, đã bị khởi tố bị can, đang trốn tránh việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và đang bị cơ quan có thẩm quyền ra lệnh truy nã, thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, được niêm yết công khai nơi công cộng để mọi người phát hiện, bắt giữ.

Pháp luật tố tụng quy định bất kỳ người nào cũng có thể bắt, tước vũ khí, hung khí của người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và giải ngay người đó đến cơ quan VKS, ủy ban nhân dân nơi gần nhất để các cơ quan này tiến hành lập biên bản và giải người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền.

Như đã nêu trên, theo quy định tại Điều 82 BLTTHS thì người nào cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã, nên chức năng, nhiệm vụ của VKS chưa thể hiện rõ trong giai đoạn này.

- Biện pháp tạm giữ :Tạm giữ là một biện pháp ngăn chặn trong TTHS, do cơ quan có thẩm quyền áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp bắt khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc đối với bị can bị bắt theo lệnh truy nã; người phạm tội tự thú, đầu thú. Tuy nhiên, thực tế áp dụng pháp luật của các địa phương thì không phải tất cả các đối tượng trên đều có thể bị tạm giữ mà chỉ quyết định tạm giữ khi cần đủ thời gian để CQĐT có thể thẩm tra, xác minh tính chất, mức độ tội phạm, nơi cư trú, nhân thân người bị bắt ... thì mới áp dụng việc tạm giữ.

Về thẩm quyền, thủ tục, thời hạn tạm giữ được quy định tại Điều 86 BLTTHS năm 2003.

Để đảm bảo công tác kiểm sát việc tạm giữ, KSV cần: Kiểm tra tính có

căn cứ và hợp pháp của quyết định tạm giữ, thời hạn ra quyết định tạm giữ, nắm vững các căn cứ của việc gia hạn tạm giữ để báo cáo lãnh đạo VKS kịp thời ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ, hoặc trả tự do cho người bị tạm giữ.

- Biện pháp tạm giam :Tạm giam là biện pháp ngăn chặn trong TTHS do CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS hiện hành quy định hình phạt tù từ trên hai năm và có căn cứ để cho rằng người đó trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội. Tạm giam là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất, đối tượng tạm giam bị tước bỏ một số quyền tự do thân thể và bị hạn chế một số quyền nhân thân khác.

Về thẩm quyền, thủ tục, thời hạn tạm giam được quy định tại Điều 88 BLTTHS năm 2003. Việc gia hạn tạm giam và phê chuẩn gia hạn tạm giam được quy định tại Điều 120 BLTTHS năm 2003.

Việc xét phê chuẩn lệnh tạm giam bị can cũng giống như việc xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, KSV cần phải kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của lệnh tạm giam bị can. Thời hạn xét phê chuẩn là 03 ngày kể từ ngày VKS nhận được lệnh tạm giam và đề nghị xét phê chuẩn lệnh tạm giam. Trong khi tạm giam, nếu xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thì CQĐT phải có văn bản đề nghị VKS cùng cấp áp dụng biện pháp ngăn chặn khác hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam để trả tự do cho bị can bị tạm giam.

Ngoài các biện pháp ngăn chặn trên, trong quá trình khởi tố điều tra các vụ án ma túy; tùy vào các vụ án cụ thể, tùy vào các bị can, bị cáo cụ thể mà các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác như: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo

đảm. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp trên là trong trường hợp các vụ án ma túy có các bị can là những đối tượng phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân, lai lịch rõ ràng. Khi áp dụng các biện pháp này là nhằm đảm bảo cho họ phải có mặt tại các cơ quan tiến hành tố tụng khi được triệu tập.

Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn: Trong trường hợp vụ án ma túy bị đình chỉ theo quy định tại Điều 164, 169, 180 của BLTTHS năm 2003 thì CQĐT, VKS, Tòa án phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử khi xét thấy không cần thiết tiếp tục duy trì biện pháp ngăn chặn đang áp dụng; CQĐT, VKS, Tòa án có thể hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đang áp dụng hoặc có thể thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn hoặc nghiêm khắc hơn.

Luật TTHS đã giao quyền và trách nhiệm quyết định việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam cho VKS. Do đó, trong quá trình KSĐT, truy tố KSV phải luôn chủ động, thường xuyên kiểm sát tính cần thiết phải tiếp tục cần tạm giam bị can (nhất là những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng nhưng là phạm tội lần đầu hoặc các trường hợp bị can luôn kêu oan), không nên có tư tưởng thụ động ngồi chờ CQĐT.

Tính phổ biến áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy. Xuất phát từ đặc điểm tội phạm học của nhóm tội phạm về ma túy là khép kín, có tổ chức cao nên việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với hình thức tạm giam trong quá trình điều tra nhóm tội này là phổ biến thường được áp dụng trên thực tế với tỉ lệ gần như 100%. Trong số các biện pháp ngăn chặn thì tạm giam là biện pháp nghiêm khắc nhất nhưng đồng thời cũng là biện pháp hiện tỏ ra hữu hiệu nhất để ngăn chặn không cho kẻ phạm tội tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho quá trình tố tụng. Do vậy đối với nhóm tội này áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam

không có tính phổ biến.

1.2.3. Kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án hình sự

Sau khi vụ án được khởi tố, VKSND tiếp tục thực hiện chức năng của mình là kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT. Theo Điều 10, BLTTHS năm 2003 thì: “CQĐT có quyền áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo” [16]. Hoạt động kiểm sát các hoạt động điều tra được thực hiện đó là:

- *Kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi*: Khám nghiệm hiện trường quy định tại Điều 150, BLTTHS năm 2003: “ĐTV tiến hành khám nghiệm nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm nhằm phát hiện dấu vết của tội phạm, những chứng cứ và làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án” [16].

Khám nghiệm tử thi được tiến hành khi phát hiện có người chết chưa rõ nguyên nhân. Việc khám nghiệm do ĐTV chủ trì, có sự tham gia của bác sĩ pháp y và người chứng kiến và thành phần quan trọng quyết định giá trị pháp lý của Biên bản khám nghiệm tử thi là KSV. Theo quy định của Điều 151, BLTTHS năm 2003: “Trong mọi trường hợp khám nghiệm tử thi phải được thông báo trước cho VKSND cùng cấp biết. KSV phải có mặt để giám sát quá trình khám nghiệm tử thi” [16].

Để việc tham gia kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, tử thi của KSV có hiệu quả đòi hỏi KSV phải chủ động nắm tình hình thông qua việc yêu cầu ĐTV thông báo về sự việc xảy ra. Từ đó có thể tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị khám nghiệm cũng như chủ động yêu cầu ĐTV tiến hành khám nghiệm hiện trường. Tương tự như vậy, việc khám nghiệm tử thi của CQĐT cũng phải thực hiện dưới sự kiểm sát của KSV.

- *Kiểm sát việc hỏi cung, lấy lời khai của cơ quan điều tra*: Việc hỏi

cung bị can và lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là một hoạt động bắt buộc trong mỗi vụ án hình sự.

Kiểm sát việc hỏi cung bị can trong vụ án ma túy là hoạt động của VKSND, sử dụng các quyền năng pháp lý độc lập để kiểm sát việc tuân theo pháp luật của ĐTV hoặc KSV trong quá trình hỏi cung bị can nhằm đảm bảo cho việc hỏi cung được khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật. KSV cần chủ động, có thể cùng tham gia hỏi cung với ĐTV trong trường hợp khi CQĐT ra quyết định khởi tố bị can để tạo cơ sở và niềm tin cho KSV khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Ngoài ra, KSV cần trực tiếp tiến hành hoặc cùng tham gia với lãnh đạo VKS, cần thiết có thể yêu cầu ĐTV tham gia trong trường hợp vụ án ma túy có nhiều tình tiết phức tạp, khi bị can lúc nhận tội, lúc không nhận tội, khi có nghi ngờ về việc mớm cung, bức cung, dụ cung hoặc sau khi vụ án đã kết thúc điều tra.

Mục đích và yêu cầu của kiểm sát hỏi cung bị can nhằm: Đảm bảo việc hỏi cung phải được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; đảm bảo cho việc hỏi cung bị can phải được tiến hành trực tiếp bằng lời nói và ghi lại bằng biên bản; đảm bảo cho việc hỏi cung bị can phải được tiến hành bằng các phương pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Không được hỏi cung vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ vào biên bản hỏi cung. Thời gian ban đêm theo quy định của pháp luật là từ 22h ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.

Trong trường hợp cần thiết, KSV có thể trực tiếp hỏi cung bị can. Việc hỏi cung phải được tiến hành theo quy định chung tại Điều 131, BLTTHS năm 2003. KSV trực tiếp hỏi cung trong các trường hợp cần thiết như: Trong hồ sơ chưa thể hiện rõ lời khai của bị can, nghi ngờ ĐTV trong quá trình hỏi

cung bị can còn thiếu khách quan, còn có sai sót, lọt tội phạm hoặc có dấu hiệu oan, sai, khi các yêu cầu điều tra của KSV không đạt được, ĐTV thực hiện không đúng.

Biên bản hỏi cung bị can là biên bản pháp lý ghi lại toàn bộ quá trình, nội dung, kết quả của việc hỏi cung bị can của ĐTV, KSV; là một trong những nguồn chứng cứ. Do đó biên bản hỏi cung phải được lập chặt chẽ theo quy định tại Điều 95 và Điều 125 của BLTTHS năm 2003, mỗi lần hỏi cung đều phải được lập biên bản.

Biên bản hỏi cung phải ghi đầy đủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và các câu trả lời. Nghiêm cấm ĐTV, KSV tự mình ghi thêm, bớt, sửa chữa lời khai của bị can trong các biên bản. Sau khi kết thúc việc hỏi cung, ĐTV, KSV phải đọc lại biên bản cho bị can nghe hoặc để cho bị can tự đọc (trong trường hợp bị can không biết chữ hoặc hạn chế khả năng khác trong nhận thức thì khi thông qua biên bản cần có sự chứng kiến của người khác). Trong trường hợp có bổ sung hoặc sửa chữa biên bản thì bị can và ĐTV hoặc KSV cùng ký xác nhận. Nếu biên bản có nhiều trang thì bị can phải kí nhận vào từng trang của biên bản. Trong trường hợp bị can tự viết lời khai thì ĐTV hoặc KSV cùng ký xác nhận vào tờ khai đó.

Nếu việc hỏi cung được ghi âm thì sau khi hỏi cung phải phát lại để bị can và người hỏi cung cùng nghe; biên bản phải ghi lại nội dung việc hỏi cung, bị can và người hỏi cung cũng phải ký xác nhận.

Trong trường hợp hỏi cung bị can có người phiên dịch thì người hỏi cung phải giải thích quyền lợi, nghĩa vụ của người phiên dịch, đồng thời giải thích cho bị can biết được quyền yêu cầu, thay đổi người phiên dịch. Người phiên dịch và bị can cùng ký vào biên bản hỏi cung.

Khi hỏi cung bị can mà có mặt người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị can thì người hỏi cung phải giải thích cho người này biết quyền

và nghĩa vụ của họ trong khi hỏi cung bị can. Bị can, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cùng ký vào biên bản hỏi cung bị can. Trong trường hợp người bào chữa được hỏi bị can thì trong biên bản phải ghi đầy đủ câu hỏi của người bào chữa và câu trả lời của bị can.

Lời khai người làm chứng là một nguồn chứng cứ quan trọng của một vụ án về ma túy. Qua việc lấy lời khai người làm chứng ĐTV, KSV có thể hình dung được diễn biến của hành vi phạm tội, biết được các mối quan hệ của bị can, từ đó hoạch định phương hướng kế hoạch điều tra tiếp theo... Do đó, KSV phải chủ động, kịp thời cùng ĐTV lập kế hoạch lấy lời khai người làm chứng và xác định các nhân chứng quan trọng, những nhân chứng trực tiếp. Việc lấy lời khai người làm chứng phải được tiến hành khẩn trương kịp thời. Nếu để thời gian dài mới lấy lời khai, thì có thể ký ức của họ bị quên, không thể khai đúng hoặc khai hết những chi tiết mà họ nhìn thấy, nghe thấy hoặc có thể họ di chuyển chỗ ở đi chỗ khác...gây khó khăn cho việc điều tra. Việc lấy lời khai người làm chứng phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 95, 125, 135, 136, BLTTHS năm 2003.

Kiểm sát việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về trình tự và thủ tục như việc lấy lời khai người làm chứng, tuy nhiên KSV cần chú ý kiểm sát về nội dung của việc lấy lời khai của ĐTV đối với từng đối tượng nêu trên, vì những lời khai của họ sẽ góp phần không nhỏ vào việc làm sáng tỏ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ các thủ tục tố tụng nêu trên. Nếu phát hiện ĐTV có vi phạm pháp luật không nghiêm trọng thì KSV có thể nhắc nhở yêu cầu ĐTV khắc phục, nếu vi phạm nghiêm trọng thì phải báo cáo lãnh đạo để có biện pháp xử lý kịp thời.

- *Kiểm sát việc đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra:* Đây là một loạt các hoạt động điều tra và cũng là các biện pháp nghiệp vụ được sử dụng

trong quá trình điều tra nhằm làm tái hiện và kiểm chứng lại những nguồn thông tin có liên quan đến tội phạm đã có được trước đó. Khi kiểm sát các hoạt động này cần đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh, điều kiện nơi tiến hành việc đối chất, nhận dạng hoặc thực nghiệm điều tra và xác định đây là những nguồn chứng cứ được tái hiện lại nên không thể dùng làm nguồn chứng cứ duy nhất để kết luận một vấn đề cần chứng minh, mà phải kết hợp với nhiều nguồn chứng cứ khác để có luận điểm đúng đắn.

- *Kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT*: Ngoài việc lập hồ sơ kiểm sát, KSV phải kiểm sát việc lập hồ sơ của CQĐT đảm bảo hồ sơ có đầy đủ các tài liệu, được sắp xếp, đánh bút lục theo trình tự, phục vụ cho việc nghiên cứu, truy tố, xét xử, KSV phải yêu cầu ĐTV cung cấp tài liệu đầy đủ, kịp thời. CQĐT căn cứ Quy định tại điểm 21.1 TTLT số 05/2005/TTLT-VKS-BCA- BQP ngày 07/5/2005 của VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 [36]; Công văn số 71/CSĐT(C16) ngày 26/2/2007 của CQĐT hướng dẫn đóng dấu bút lục và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Nếu thấy tài liệu bị mất, hư hỏng, tẩy xóa, sửa chữa thì KSV yêu cầu CQĐT khắc phục và làm rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm, trách nhiệm của từng cá nhân liên quan để đề xuất biện pháp xử lý.

- *Kiểm sát hoạt động khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản của Cơ quan điều tra*: Hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét bắt khẩn cấp là những hoạt động nghiệp vụ trong TTHS, do các cơ quan tiến hành tổ tụng tiến hành. Xuất phát điểm của mọi hoạt động điều tra, khám phá vụ án sau này, vì hiện trường vụ án và tử thi là nơi lưu giữ nhiều nhất các dấu vết, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Nếu hoạt động khám nghiệm có sai sót dễ dẫn đến hoạt động điều tra sẽ đi lệch hướng, khó

khẩn cho việc điều tra tội phạm. Vì vậy, pháp luật quy định trách nhiệm CQĐT phải thông báo cho VKS biết về việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi để cùng tham gia.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp sau khi khám nghiệm hiện trường và thu thập các tài liệu, chứng cứ khác mới đủ cơ sở xác định có phải là hành vi tội phạm đã xảy ra hay không. Vì vậy, Luật TTHS hiện hành quy định khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự.

- *Kiểm sát việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra và phục hồi điều tra:*
Xuất phát từ bản chất của chế độ ta là nhân đạo: những người ốm đau, bệnh tật nguy hiểm mặc dù họ phạm tội nhưng họ được cộng đồng và gia đình chăm sóc và chữa bệnh, có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể được tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra.

Trong trường hợp đã xác định được bị can nhưng do chưa kịp tiến hành các biện pháp ngăn chặn kịp thời nên để bị can bỏ trốn thì căn cứ Điều 160 BLTTHS năm 2003 thì CQĐT ra quyết định truy nã bị can trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can khi đã hết thời hạn điều tra vụ án hình sự.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Đó là trường hợp hành vi phạm tội của từng bị can đã được xác định rõ, đủ cơ sở để truy tố, xét xử nhưng có bị can do bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bỏ trốn thì CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ đối với bị can đó.

Khi bị can bị bệnh tâm thần hay mắc bệnh hiểm nghèo khác mà phải ra quyết định tạm đình chỉ điều tra thì căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa, VKSND có thể đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 43 BLHS năm 1999.

Quyết định tạm đình chỉ của CQĐT phải gửi ngay cho VKS cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát và quyết định đó phải gửi ngay cho bị can,

người bị hại để họ biết và thực hiện.

Nếu hết thời hạn điều tra vụ án về ma túy mà tài liệu thu thập được xác định không đủ cơ sở cấu thành tội phạm hoặc kết luận không phải là tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Bản kết luận phải nêu rõ quá trình điều tra, lý do và các căn cứ đình chỉ điều tra.

- Đình chỉ điều tra là việc chấm dứt hoạt động TTHS đối với vụ án hoặc đối với bị can được thực hiện khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107, BLTTHS năm 2003 [16] hoặc Điều 19, Điều 25; khoản 2, Điều 69, BLHS năm 1999 [14].

Sau khi nhận được kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra vụ án, VKSND phải thực hiện kiểm tra ngay tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định đó. Điều đó đồng nghĩa với việc phải nghiên cứu lại toàn bộ hồ sơ để đảm bảo việc đình chỉ điều tra vụ án là cần thiết, đúng đắn, bảo vệ được quyền lợi của nhà nước, cá nhân công dân cũng như các bên đã tham gia tố tụng.

Việc đình chỉ đối với một hay nhiều bị can trong vụ án có đồng phạm mà căn cứ để đình chỉ không liên quan đến các bị can còn lại thì vẫn có thể tiến hành bình thường. CQĐT vẫn chuyển hồ sơ đề nghị truy tố đối với các bị can còn lại đó mà không ảnh hưởng đến việc giải quyết chung đối với vụ án.

- Phục hồi điều tra là biện pháp tố tụng được sử dụng trong hai trường hợp sau đây để đảm bảo việc tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án không làm ảnh hưởng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một hành vi phạm tội.

+ Thứ nhất là: Qua việc kiểm sát các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ, VKSND phát hiện thấy các quyết định này không có căn cứ, trái pháp luật và ra quyết định hủy bỏ đồng thời yêu cầu CQĐT ra quyết định phục hồi vụ án.

+ Trường hợp thứ hai là: Khi đã có kết quả giám định, đã bắt được bị can bỏ trốn hoặc có căn cứ xác định đối tượng phạm tội trong vụ án tạm đình

chỉ điều tra hoặc bị can đã khỏi bệnh, đủ khả năng chịu trách nhiệm hình sự... thì CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra để tiếp tục điều tra theo thủ tục chung.

1.2.4. Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra

Thực tế điều tra VAHS có trường hợp xảy ra tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT với nhau như: Thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ, theo vụ việc; thẩm quyền điều tra của từng loại CQĐT, các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT cấp mình, VKSND yêu cầu CQĐT tiến hành các thủ tục để VKSND cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án cho CQĐT có thẩm quyền tiếp tục điều tra theo quy định tại Điều 116, BLTTHS năm 2003 [16]. Nếu phải chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thì CQĐT cấp huyện tiến hành các thủ tục để VKSND cấp huyện có văn bản đề nghị VKSND cấp tỉnh ra quyết định chuyển vụ án. Nếu vụ án do CQĐT cấp tỉnh đề nghị chuyển thì VKSND cấp tỉnh ra quyết định chuyển vụ án.

Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT thuộc các ngành khác nhau, thì Viện trưởng VKSND cùng cấp nơi có tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm quyết định. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT cùng ngành ở cấp nào thì Viện trưởng VKSND cấp đó yêu cầu Thủ trưởng quản lý cùng cấp giải quyết.

1.2.5. Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra

Trong quá trình kiểm sát các hoạt động điều tra, KSV phải kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật của CQĐT và của ĐTV. Các vi phạm trong quá trình điều tra vụ án được thể hiện dưới dạng khác nhau với nhiều tính chất khác nhau như: các quyết định khởi tố, không khởi tố VAHS, khởi tố bị can,

quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định khám xét, thu giữ vật chứng, có căn cứ hợp pháp hay có cần thiết không; các biện pháp điều tra khác như có đảm bảo các quy định của pháp luật không. Việc thu thập, bảo quản, đánh giá chứng cứ có khách quan không. Việc đề nghị truy tố người phạm tội về tội danh, điều luật, mức độ đã phù hợp với các chứng cứ trong vụ án và quy định của pháp luật chưa.

Khi phát hiện các vi phạm thì VKSND phải có văn bản kiến nghị hoặc văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục ngay các vi phạm đó, yêu cầu Thủ trưởng CQĐT xử lý ĐTV đã vi phạm pháp luật; nếu vi phạm đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp thì phải chuyển tài liệu cho CQĐT của VKSND tối cao để xử lý theo thẩm quyền.

1.2.6. Kiểm sát việc đề nghị truy tố

Sau khi kết thúc việc điều tra và có đầy đủ chứng cứ để xác định hành vi phạm tội của bị can thì CQĐT làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, nêu rõ nội dung, diễn biến của hành vi phạm tội và các chứng cứ chứng minh, đồng thời nêu những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án. Kèm theo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố là hồ sơ vụ án với các thủ tục tố tụng, các tài liệu chứa đựng chứng cứ chứng minh tội phạm và các tài liệu liên quan khác để đảm bảo cho việc truy tố được khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Như vậy, thực hiện một quy trình KSĐT vụ án hình sự chính là hoạt động tổng hợp tính có căn cứ, tính hợp lý và hợp pháp của VKSND đối với hàng loạt các hoạt động điều tra của CQĐT. Nó không chỉ dừng lại ở việc hợp lý hóa các thông số khoa học một cách thông thường mà nó còn là việc chọn lọc tính có căn cứ, tính hợp lý trong từng biên bản, từng lời khai, từng chi tiết nhỏ nhất được phản ánh từ sự thật khách quan của mỗi vụ án đã được tái hiện lại bằng các biện pháp, thủ thuật nghiệp vụ dựa trên nền tảng của thủ tục tố tụng chặt chẽ. Do đó đòi hỏi KSV khi KSĐT không những phải tinh tường và

thông thạo tất cả các quy trình hoạt động tố tụng, mà còn có một vốn hiểu biết tự nhiên, xã hội phong phú và trình độ khoa học lý luận vững chắc để thực hiện tốt hoạt động này.

Và Sau khi kết thúc điều tra vụ án về ma túy, CQĐT chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang VKS để VKS thực hiện chức năng truy tố bị can theo quy định của pháp luật. "Truy tố là một giai đoạn của TTHS, trong đó VKS tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm truy tố bị can ra trước Tòa án bằng một bản cáo trạng hoặc những quyết định truy tố khác để giải quyết đúng đắn vụ án về ma túy".

Viện Kiểm sát ra quyết định truy tố bằng một bản cáo trạng là giai đoạn cuối cùng của công tác KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND.

Điều 166 BLTTHS năm 2003 quy định trong thời hạn hai mươi ngày, đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng và trong thời hạn ba mươi ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, VKS phải ra một trong các quyết định sau: Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng; Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án hình sự.

Trong trường hợp cần thiết Viện trưởng VKS có thể gia hạn, nhưng không quá mười ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng; không quá mười lăm ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng; không quá 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra một trong các quyết định trên, VKS phải thông báo cho bị can, người bào chữa biết, phải giao cáo trạng, quyết định cho bị can.

Sau khi nhận hồ sơ vụ án; VKS có quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; yêu cầu CQĐT truy nã bị can.

Trong trường hợp truy tố thì trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết

định truy tố bằng bản cáo trạng, VKS phải gửi hồ sơ và bản cáo trạng đến Tòa án để Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng là một văn bản pháp lý nhân danh Nhà nước thể hiện quan điểm, thái độ của cơ quan Kiểm sát đối với người phạm tội và vụ án về ma túy. Do đó, bản cáo trạng phải ghi rõ: Ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra tội phạm; thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định tội trạng của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị can và mọi tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Nội dung bản cáo trạng giới hạn phạm vi xét xử của Tòa án theo quy định tại Điều 196 BLTTHS 2003: “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử”. Tòa án không được xét xử người và những hành vi mà VKS chưa truy tố. Nếu như qua xét xử tại phiên tòa, Tòa án xác định rằng bị cáo và những hành vi phạm tội đã bị truy tố còn có người khác phạm tội hoặc hành vi phạm tội chưa được truy tố thì Tòa án tiếp tục xét xử những bị cáo, những tội phạm đã bị truy tố và có thể ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tội phạm mới, hoặc yêu cầu VKS khởi tố.

1.2.7. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật

Trong quá trình THQCT, KSĐT các vụ án về ma túy, KSV có trách nhiệm phát hiện những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. KSV phải phối hợp với CQĐT, với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội để đề ra và thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với tội phạm về ma túy.

Đây là một hoạt động rất quan trọng của VKSND trong việc đấu tranh, phòng ngừa vi phạm và tội phạm. Qua thực tế KSĐT từng vụ án cụ thể,

VKSND sẽ có điều kiện để tìm ra nguyên nhân và tính chất của từng loại tội phạm; từ đó sẽ rút ra được những quy luật khách quan và chủ quan của loại tội phạm và đề ra được những biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục, hạn chế sự gia tăng của tội phạm, đặc biệt là đối với các vụ án về ma túy.

Kết luận Chương 1

Chương 1, luận văn tập trung phân tích những vấn đề lý luận: khái niệm, đặc điểm của điều tra các vụ án về ma túy, KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND. Phân tích đưa ra khái niệm cũng như các đánh giá trong việc kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy theo tổ tụng hình sự. Các quá trình xử lý một vụ án sơ thẩm trong kiểm sát điều tra đối với các vụ án về ma túy.

Trên cơ sở phân tích lý luận, pháp luật TTHS, luận văn làm sáng tỏ ở bình diện khoa học vị trí, vai trò, nội dung chức năng của VKSND trong hoạt động KSĐT. Luận văn cũng nêu rõ nội dung biện pháp kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án về ma túy như: giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố vụ án; áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; các hoạt động điều tra cụ thể; kiến nghị vi phạm, phòng ngừa... Đồng thời, luận văn còn làm rõ quan hệ giữa VKSND với CQĐT trong giai đoạn điều tra tội phạm này. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học, góp phần bổ sung vào lý luận về hoạt động kiểm sát của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra tội phạm về ma túy nói riêng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2010 – 2015

2.1. Khái quát kết quả hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Những kết quả đạt được trong kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy

Đà Nẵng là một thành phố thuộc vùng Nam Trung Bộ, Việt Nam. Đây là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Đà Nẵng hiện là một trong 13 đô thị loại 1 đồng thời là một trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam. Nằm ở vị trí trung độ của Việt Nam, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra biển Đông của các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông. Đà Nẵng hiện nay có tám quận, huyện với tổng diện tích là 1285,4 km², dân số thành phố là 951.700 người. Những năm trở lại đây, Đà Nẵng đã khác trước nhiều, những vận động nội lực đã khiến Đà Nẵng ngày càng mở rộng tầm vóc của mình. Bắt đầu từ kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là cơ sở về hạ tầng giao thông, tiến hành chỉnh trang đô thị, xây dựng một môi trường mới hiệu theo nghĩa rộng, tạo điều kiện cho công cuộc phát triển mới. Chủ trương lấy công nghiệp làm đòn bẩy phát triển, cơ cấu kinh tế Đà Nẵng có chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ phù hợp với xu thế chung của cả nước và những đô thị lớn. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ nhân dân; nền kinh tế đã được ổn định và

phát triển, đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng lên.

Song song với sự phát triển nhanh về kinh tế, văn hóa, các mặt trái của cơ chế thị trường, mức độ đô thị phát triển mạnh, nhiều tiêu cực đã xảy ra, tình hình vi phạm và tội phạm còn diễn biến phức tạp, nhất là trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội. Ngành kiểm sát thành phố Đà Nẵng mặc dù còn khó khăn nhiều mặt nhưng cán bộ, KSV đã nỗ lực phấn đấu, nắm chắc vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Nhà nước giao. Tuy đã nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tích đáng kể, nhưng qua hoạt động thi hành pháp luật, đơn vị vẫn còn vấp phải những vi phạm, những hạn chế trong KSĐT các vụ án về ma túy.

Dưới đây, tác giả luận văn sẽ tiến hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và hạn chế áp dụng pháp luật trong hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng từ năm 2010 - 2015. Đề từ đó đề ra những giải pháp cơ bản nhằm khắc phục sai sót, hạn chế; góp phần đưa công tác KSĐT các vụ án về ma túy đáp ứng được với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay.

Khởi tố vụ án là giai đoạn mở đầu của TTHS, trong đó các cơ quan có thẩm quyền khởi tố xác định có dấu hiệu của tội phạm để mở cuộc điều tra theo TTHS còn khởi tố bị can là việc CQĐT hoặc VKS xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể bằng một quyết định để bắt đầu tiến hành TTHS về người đó với tư cách là bị can. Khởi tố bị can phải có đầy đủ tài liệu xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể được quy định trong BLHS hiện hành. Do tính chất quan trọng của việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên pháp luật TTHS quy định chặt chẽ các căn cứ để khởi tố vụ án về ma túy và khởi tố bị can phạm tội về ma túy. Pháp luật TTHS cũng quy định chặt chẽ chức năng giám sát và quy trình giám sát của VKSND đối với hoạt động khởi tố vụ án hình sự nhằm đảm bảo cho việc khởi tố vụ án hình sự

phạm tội về ma túy của CQĐT được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

* *Những kết quả đạt được:* Theo báo cáo thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng thì từ năm 2010 đến năm 2015 số lượng khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội về ma túy và hoạt động áp dụng pháp luật trong công tác KSĐT như sau:

Bảng 2.1. Số vụ án, bị can VKS phải thụ lý KSĐT

Năm	Số vụ	Số bị can	Số vụ kết thúc điều tra	Số bị can kết thúc điều tra	Số vụ quá hạn điều tra	Đạt tỷ lệ xử lý (vụ)**
2011	588	1.077	569	1.079	0	77,83
2012	589	981	557	1.001	0	76,4
2013	665	1.182	638	1.183	0	95,93
2014	757	1.364	718	1.311	0	94,84
2015	711	1.257	678	1.221	0	95,35

Ghi chú: ** Không kê số vụ án đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc chuyển thẩm quyền.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chủ động phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy; kiểm chế sự gia tăng của tội phạm; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. VKS đã có nhiều đề xuất, kiến nghị với cấp ủy và chính quyền địa phương, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên lĩnh vực quản lý Nhà nước, kinh tế xã hội, góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong những năm qua công tác KSĐT việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong các vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Về nguyên tắc cơ bản, đã đảm bảo đạt được: Các hành vi vi phạm và tội phạm đều được

kip thời phát hiện và xử lý; đã hạn chế thấp nhất làm oan người vô tội cũng như để lọt kẻ phạm tội.

Bảng 2.2. Số vụ án, bị can VKS phải xử lý

Năm	Số vụ thụ lý	Số bị can thụ lý	Số vụ đã truy tố	Số bị can đã truy tố	Số vụ quá hạn điều tra	Đạt tỷ lệ xử lý (vụ)**
2011	597	1.119	579	1.057	0	96,98
2012	574	1.063	559	1.021	0	97,38
2013	655	1.229	639	1.195	0	97,5
2014	734	1.335	722	1.307	0	98,3
2015	694	1.257	691	1.249	0	99,5

Ghi chú: ** Không kể số vụ án đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc chuyển thẩm quyền.

Với số liệu trên cho thấy, mặc dù số lượng án về ma túy phải thụ lý KSĐT không lớn; nhưng so với tỷ lệ dân số của địa phương thì số lượng án trên là khá cao so với các địa phương trong cả nước. Các vụ án về an ninh chính trị không xảy ra; các vụ án về kinh tế xảy ra nhiều nhưng hành vi gây thiệt hại không lớn. Số lượng ma túy trong các vụ án về ma túy không lớn; nhưng điều đáng chú ý là các vụ án về ma túy xảy ra khá phổ biến từ thành thị đến nông thôn. Các vụ án tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đang là điểm nóng, gây nhức nhối tại địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Các vụ án về ma túy khi được khởi tố điều tra, nhất là từ khi khởi tố bị can đã được các KSV kiểm sát chặt chẽ; diễn biến và kết quả điều tra của ĐTV đã được các KSV theo dõi giám sát thường xuyên, kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra sát thực tế và có hiệu quả, góp phần làm cho công tác điều tra của CQĐT được thi hành pháp luật đầy đủ và đúng luật, hạn chế thấp nhất việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; tạm đình chỉ, đình chỉ không có lý do chính đáng.

Do đã thực hiện được việc KSĐT ngay từ giai đoạn đầu nên các quyết định của VKS thường là chuẩn mực, đúng quy định của pháp luật TTHS; khi hồ sơ kết thúc điều tra chuyển sang VKS, phần lớn công tác truy tố được tiến hành nhanh. Tỷ lệ xử lý án của VKS đạt rất cao, năm 2010 - 2015 kế hoạch của toàn ngành đề ra là đạt tỷ lệ xử lý 95%; đến nay 100% các đơn vị trong toàn ngành đã đạt và vượt tỷ lệ trên.

- *Kết quả kiểm sát việc khởi tố; kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và kiểm sát việc khám xét, thu giữ, kê biên tài sản:* Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã phối hợp chặt chẽ với CQĐT cùng cấp trong việc tiếp nhận, quản lý phân loại và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT. Tất cả các đơn vị Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đều mở sổ sách và phân công KSV theo dõi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trên địa bàn do đơn vị mình quản lý. Kết quả nổi bật trong hoạt động này là số vụ phạm tội và đối tượng phạm tội được phát hiện kịp thời; các vụ án, CQĐT và VKSND trao đổi với nhau thông tin từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, CQĐT đã cung cấp tài liệu, thông tin vụ án cho VKSND cơ bản là đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện để VKSND phê chuẩn các quyết định của CQĐT đảm bảo chính xác.

Công tác kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với các vụ án về ma túy luôn được coi trọng, do đó đã khắc phục tình trạng khởi tố, bắt giữ, tạm giam thiếu căn cứ, vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, đảm bảo đúng quy định tại BLTTHS năm 2003. Đã thực hiện tốt việc phê chuẩn bắt giữ, tạm giam, bảo đảm việc phê chuẩn có đủ căn cứ, đúng pháp luật. Không có trường hợp nào bắt, tạm giữ hình sự sau đó chuyển xử lý hành chính đối với tội phạm về ma túy. Nhờ phê chuẩn bắt giữ, tạm giam thận trọng, kiên quyết từ chối phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ,

bắt tạm giam trong các trường hợp không cần thiết đã khắc phục một bước quan trọng việc lạm dụng bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam không đúng pháp luật, bắt oan, sai, nhất là những trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người phạm tội về ma túy.

KSV đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khám xét, thu giữ, kê biên tài sản. Việc khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, vật chứng trong các vụ án do NCTN gây ra được thực hiện khẩn trương nhưng không qua loa, đại khái đã hạn chế việc tẩu tán vật chứng, tiền, tài sản liên quan hoặc không tìm thấy những vật chứng cần thiết ở nơi bị khám xét.

- *Kết quả kiểm sát trong quá trình CQĐT thực hiện các công tác điều tra và lập hồ sơ vụ án hình sự:* Khi KSĐT các vụ án về ma túy các KSV đều xem xét thận trọng các căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can; luôn nắm chắc tiến độ giải quyết vụ án, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra phù hợp để làm rõ diễn biến hành vi phạm tội; kiểm sát chặt chẽ các hoạt động khám nghiệm; thu thập tang chứng, vật chứng của vụ án; kết quả giám định; các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội cũng như các tài liệu khác có liên quan, làm rõ tính chất mức độ hành vi phạm tội, xác định trách nhiệm dân sự và nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội.

Một số trường hợp VKSND trả hồ sơ điều tra bổ sung cho CQĐT, KSV trong quá trình KSĐT đã đề ra yêu cầu điều tra, tuy nhiên sau khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang VKSND truy tố, KSV khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy CQĐT chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu điều tra nên phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã thực hiện tốt việc kiểm sát lập hồ sơ vụ án của CQĐT. Qua kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT cho thấy, về cơ bản ĐTV thực hiện đúng quy định về lập hồ sơ, việc lập hồ sơ vụ án có sự phối hợp chặt chẽ của VKSND với CQĐT, nhất là sau khi có Thông

tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKS-BCA-BQP ngày 07/5/2005 của VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 và Công văn số 71/CSĐT (C16) ngày 26/02/2007 của CQĐT- Bộ Công an.

- *Kết quả kiến nghị yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong quá trình điều tra và kiến nghị các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật:* Qua hoạt động KSĐT của Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng, qua mỗi năm đều có những tiến bộ nhất định, nhất là đối với các vụ trọng án, án điểm, án có bị can phạm tội về ma túy. Nhờ đó đã phát hiện, kiến nghị yêu cầu CQĐT khắc phục những vi phạm phổ biến trong hoạt động điều tra như: Vi phạm về xử lý vật chứng; vi phạm về trưng cầu giám định; vi phạm về bắt, tạm giữ, tạm giam; vi phạm trong việc lập hồ sơ vụ án, vẽ sơ đồ hiện trường nhất là những vụ án tai nạn giao thông đường bộ... Cụ thể: Năm 2011, ban hành 04 kiến nghị; năm 2012 ban hành 9 kiến nghị; năm 2013 ban hành 7 kiến nghị; năm 2014, ban hành 8 kiến nghị; năm 2015, ban hành 12 kiến nghị về các vi phạm trên [41].

Thông qua việc kiểm sát giải quyết án hình sự, Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã chú ý xác định những nguyên nhân, điều kiện phạm tội, những bất cập trong cơ chế, chính sách để kiến nghị với cơ quan tổ chức liên quan có biện pháp phòng ngừa tội phạm, khắc phục những thiếu sót trong quản lý như: đối với tệ nạn ma túy trên các địa bàn xảy ra nhiều, hoạt động định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản; trong đăng ký, quản lý hộ khẩu, quản lý tạm trú... Cụ thể: Năm 2013 ban hành 12 kiến nghị; năm 2014, ban hành 6 kiến nghị; năm 2015, ban hành 10 kiến nghị về các vi phạm trên [41]. Điển hình, trong năm 2015, thông qua công tác kiểm sát giải quyết các vụ án về ma túy, VKSND thành phố Đà Nẵng nhận thấy tình hình học sinh vi phạm pháp luật và phạm tội có chiều hướng gia tăng, đặc biệt là học sinh ở các

Trường trung học cơ sở đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đơn vị đã ban hành kiến nghị phòng ngừa đối với Giám đốc Sở giáo dục đào tạo thành phố Đà Nẵng có biện pháp chỉ đạo việc quản lý, giáo dục học sinh để hạn chế, tiến tới không để xảy ra tình trạng học sinh vi phạm pháp luật và phạm tội [41].

2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ngày càng quan tâm, ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến công tác tư pháp, trong đó có Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, trong đó nhấn mạnh đến trách nhiệm “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”[10] từ đó đã tác động tích cực, nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có trách nhiệm của VKSND.

Thứ hai, Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của VKSND trong hoạt động điều tra ngày càng được củng cố và tăng cường, ghi nhận rõ hơn trong các văn bản pháp luật, nhất là BLTTHS, Luật tổ chức VKSND và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều đó đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho VKSND thực hiện tốt chức năng THQCT và KSĐT, gắn công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo giải quyết vụ án kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

Thứ ba, Sự nỗ lực phấn đấu, học tập, tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, KSV đã tạo nhiều chuyển biến tích cực, trưởng thành về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, biết kết hợp chính sách của Đảng với pháp luật của Nhà nước trong việc xử lý vi phạm, tội phạm nên không làm oan người vô tội, hạn chế bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Thứ tư, Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt; luôn chú trọng đến công tác tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn; tăng cường

công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; kịp thời kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm cán bộ, KSV có vi phạm.

Thứ năm, Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã thực hiện ngày càng hiệu quả quan hệ phối hợp với CQĐT cùng cấp, hướng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành vào mục tiêu chung, phối hợp kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

Thứ sáu, Sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của nhân dân đối với công tác của ngành Kiểm sát. Nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò, trách nhiệm của VKSND trong việc bảo vệ chế độ Nhà nước cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, do đó luôn tin tưởng, ủng hộ.

Thứ bảy, Điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kiểm sát được quan tâm đầu tư, xây dựng và mua sắm tạo điều kiện thuận lợi cho VKSND hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Một số hạn chế, bất cập trong kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật

** Về việc khởi tố vụ án tội phạm về ma túy:*

Theo Điều 104 BLTTHS năm 2003 quy định: Quyết định khởi tố vụ án tại phạm về ma túy phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố, điều, khoản của BLHS đang áp dụng và họ tên, chức vụ người ra quyết định. Quyết định này vẫn khó thực hiện được đầy đủ bởi khi khởi tố vụ án hình sự, ngay thời điểm đó khó thực hiện được đầy đủ các yêu cầu của nội dung quyết định khởi tố vụ án hình sự. Trong giai đoạn quyết định khởi tố vụ án, chưa thể xác định hành

vi phạm tội thuộc khung khoản nào. Điều đó gây khó khăn cho công tác thống kê tội phạm. Do đó, chỉ nên quy định trong quyết định khởi tố vụ án phạm tội về ma túy điều luật áp dụng là phù hợp.

** Về phê chuẩn quyết định khởi tố bị can:*

Theo quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003 thì trong thời hạn không quá ba ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can; VKSND phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT. Theo quyết định này rõ ràng VKS chỉ có hai sự lựa chọn: Phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tiễn, có nhiều trường hợp CQĐT gửi quyết định khởi tố bị can và các tài liệu liên quan tới VKS để xin phê chuẩn; nhưng VKS xét thấy chưa đủ căn cứ để phê chuẩn, nhưng cũng xác định đối tượng có những dấu hiệu tội phạm, cần điều tra làm rõ cho chặt chẽ vì thế không thể trả tự do cho đối tượng bị bắt được.

Điều 126 không quy định trường hợp này VKSND được làm gì; thực tế có đơn vị đã có công văn từ chối việc phê chuẩn và đề nghị CQĐT tiếp tục điều tra xác minh. Tuy nhiên, vấn đề thực tế đặt ra là nếu việc điều tra xác minh kéo dài quá ba ngày thì thời hạn tạm giữ được giải quyết như thế nào, đòi hỏi cần phải có quy định cụ thể hơn trong Điều 126 BLTTHS năm 2003.

Theo Điều 127 BLTTHS năm 2003 quy định về thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can: Chỉ được thực hiện trong trường hợp có căn cứ xác định bị can phạm vào tội khác với tội đã khởi tố. Quy định như vậy là chưa đủ bởi có thể phải thay đổi nội dung khác của quyết định khởi tố bị can như: Tên tuổi, nơi cư trú của bị can... Bởi lúc đầu, vì lý do nào đó bị can có thể khai không đúng lý lịch gia đình; vì vậy đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 127 BLTTHS năm 2003 theo hướng: Có thể thay đổi, bổ sung nội dung của quyết định khởi tố bị can khi cần thay đổi họ tên, địa chỉ bị can cho phù hợp hoặc

khi có căn cứ và cần thiết.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập từ thực tiễn kiểm sát điều tra

- Hoạt động KSĐT vụ án ma túy trên thực tế chủ yếu là KSĐT các vụ tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy. Thực tế, các cơ quan điều tra và VKSND chưa có sự nhận thức thống nhất về đánh giá trọng lượng, hàm lượng chất ma túy để xác định khung hình phạt, tính chất, mức độ của vụ án.

- Việc kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiểm sát khởi tố vụ án, trong nhiều trường hợp còn chưa kịp thời, thiếu chủ động, tích cực và hiệu quả chưa cao.

- Việc kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các vụ án ma túy còn có những bất cập, các kiểm sát viên còn thiếu tính chủ động, không kịp thời trong việc thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn phù hợp. Trong một số trường hợp để bị can trốn hoặc tiếp tục phạm tội gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý loại tội phạm này; tình trạng vi phạm thời hạn tạm giữ, tạm giam vẫn còn; công tác lập hồ sơ chưa thật khoa học và chặt chẽ.

- Tình trạng Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ để cơ quan điều tra điều tra bổ sung còn nhiều, sự phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong một số trường hợp chưa thật sự nhịp nhàng, hiệu quả.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Nguyên nhân của những hạn chế áp dụng pháp luật trong KSĐT của VKSND thành phố Đà Nẵng có thể được xem xét, đánh giá ở nhiều góc độ, cấp độ khác nhau. Trong khuôn khổ của luận văn, tác giả xin dừng lại ở những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Những nguyên nhân cơ bản dẫn tới những hạn chế trong công tác KSĐT những vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng từ năm 2010 đến năm 2015; Có thể được phân thành những nguyên nhân khách quan, những nguyên nhân chủ quan.

2.1.3.1. Những nguyên nhân khách quan

Đây là những nguyên nhân nằm ngoài khả năng của chủ thể thi hành PL mặc dù có được trang bị đầy đủ kiến thức lý luận và kinh nghiệm trong hoạt động thi hành PL cũng không tránh khỏi những tác động ảnh hưởng từ điều kiện khách quan đưa lại, đơn cử như:

- Sự chưa hoàn thiện của pháp luật là những nguyên nhân khách quan, tác động đến hoạt động áp dụng pháp luật trong KSĐT các vụ án về ma túy. Đây là vấn đề mà các nhà làm luật và các nhà quản lý cần quan tâm, nếu muốn nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong KSĐT vụ án về ma túy hiện nay. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã đánh giá: "Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở" [3].

- Nguyên nhân từ diễn biến tình hình phức tạp của tình hình tiêu cực xã hội làm tăng số lượng tội phạm ma túy, người phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Phát triển kinh tế thị trường cũng bộc lộ nhiều mặt trái, tiêu cực, nhất là nạn quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước; thất nghiệp ngày một gia tăng do làm ăn thua lỗ của nhiều doanh nghiệp và những người đến tuổi lao động không tìm được việc làm, gây những bức xúc, căng thẳng cho xã hội. Sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp, giữa các vùng khác nhau đang làm nảy sinh các mâu thuẫn, phức tạp trong nội bộ nhân dân; sự cạnh tranh không lành mạnh có tính chất chup giết; hình thành tâm lý tiêu cực, coi trọng đồng tiền mà phá bỏ phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc ...

Những yếu tố tiêu cực nói trên tác động trực tiếp, làm tăng nhanh tình hình tội phạm, với diễn biến phức tạp, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, tính chất, mức độ của tội phạm ngày càng nghiêm trọng, gây rất nhiều khó

khẩn cho quá trình điều tra phá án, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, trong khi BLTTHS quy định rất chặt chẽ những căn cứ, thời hạn áp dụng biện pháp điều tra các vụ án hình sự. Đây cũng là lý do hạn chế việc thi hành pháp luật trong KSĐT các vụ án về ma túy.

Một nguyên nhân khác làm cho hoạt động áp dụng pháp luật trong KSĐT các vụ án ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng còn nhiều hạn chế như hiện nay còn nhiều bất cập. "Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế". Theo quy định tại Điều 74 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ giải thích Hiến pháp, Luật, pháp lệnh; trong đó có BLTTHS. Tuy nhiên, việc giải thích luật, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn chưa được thực hiện thường xuyên. Chính phủ có trách nhiệm ban hành các thông tư hướng dẫn luật nhưng đến nay theo số liệu nắm được Chính phủ còn chưa ban hành hàng trăm thông tư hướng dẫn luật; do đó, nhiều luật đã ban hành có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn không được thực hiện bởi chưa có thông tư hướng dẫn của Chính phủ. Các thông tư hướng dẫn liên ngành, các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có cố gắng hướng dẫn, giải thích, quy định một số lĩnh vực cụ thể nhưng vẫn chưa đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế xảy ra.

2.1.3.2. Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân chủ quan là những nguyên nhân nằm trong khả năng của các chủ thể thi hành pháp luật và chính bản thân các chủ thể thi hành pháp luật có khả năng loại bỏ những nguyên nhân đó mà không bị chi phối của những nguyên nhân bên ngoài.

Năng lực, trình độ của cán bộ, KSV VKSND thành phố Đà Nẵng hiện nay còn thể hiện nhiều hạn chế. Pháp luật tố tụng hiện hành quy định KSV là

người tiên hành tố tụng, có khả năng tự chịu trách nhiệm về các hành vi pháp lý của mình khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; là người đề xuất, tham mưu với lãnh đạo VKS trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực nhiệm vụ được giao. Vì vậy, năng lực, trình độ của cán bộ, KSV có ý nghĩa, ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả công tác

Trước hết, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức; sau những năm 1975, 1980, ngành kiểm sát nói chung và ngành kiểm sát Đà Nẵng nói riêng đã tiếp nhận hàng loạt những chiến sĩ quân đội, những cán bộ ngành khác vào ngành Kiểm sát nhân dân. Đội ngũ cán bộ này hoàn toàn chưa có năng lực, nghiệp vụ kiểm sát; chưa qua trường lớp, đào tạo về trình độ pháp luật. Ngành kiểm sát đã phải tổ chức cho họ đi học các lớp ngắn hạn; vừa làm vừa học theo các hệ chuyên tu, tại chức, luân huấn... Đến nay đội ngũ cán bộ này về cơ bản đã học xong các lớp đổi bằng cử nhân luật.

Từ việc đào tạo không chính quy, không cơ bản này đã làm cho kiến thức pháp lý của cán bộ, KSV còn nhiều hạn chế. Phần nhiều KSV có kiến thức thực tế nhưng kiến thức về lý luận còn yếu. Nhiều cán bộ, KSV nhận thức không đầy đủ về pháp luật; nhất là nhận thức về BLHS, BLTTHS và các hướng dẫn của Liên ngành Trung ương. Do chỉ quan tâm tới những kinh nghiệm, còn xa rời với lý luận dẫn tới ngại tiếp xúc, thực hiện những cái mới, cái hiện đại; tạo nên sức ỳ lớn trong nhận thức, không chịu rèn luyện phấn đấu. Trong khi đó, lực lượng sinh viên đã có bằng cử nhân luật chính quy, có trình độ, có nhiệt tình công tác nhưng không có cơ hội để được tuyển dụng vào ngành kiểm sát do biên chế của ngành có hạn. Chế độ đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận, tạo nguồn còn bất cập; nếu không có phương án đào tạo, tạo nguồn thích hợp thì ngành Kiểm sát có nguy cơ tụt hậu so với các ngành khác.

Còn một bộ phận cán bộ, KSV ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh

thần trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp chưa cao; ý thức tổ chức kỷ luật còn yếu kém; còn có những cán bộ, KSV vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến uy tín của ngành Kiểm sát nhân dân.

Công tác chỉ đạo điều hành trong ngành Kiểm sát chủ yếu được thực hiện thông qua công tác kiểm tra việc lập kế hoạch công tác hàng năm; kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu công tác hàng năm; thông qua các báo cáo chuyên đề trong từng khâu công tác kiểm sát, các biện pháp nghiệp vụ cụ thể. Đơn vị cấp trên thường một năm chỉ kiểm tra đơn vị cấp dưới được một đến hai lần; các phòng nghiệp vụ của VKS tỉnh chỉ tập trung công tác chuyên môn của đơn vị mình, ít có điều kiện để chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới.

Công tác kiểm tra, nhiều cuộc mang tính kiểm tra nội bộ, hình thức; các vi phạm thường được lặp đi lặp lại nhiều năm nhưng vẫn chỉ dừng lại ở kiểm điểm, rút kinh nghiệm. Chưa có biện pháp xử lý dứt điểm đối với những sai phạm đã mắc phải.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, trong nhiều năm trở lại đây chưa thật sự quan tâm đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ KSV. Nhiều cán bộ, KSV mong muốn và có điều kiện xin đi học để nâng cao trình độ về chính trị, trình độ về chuyên môn nhưng chưa được đáp ứng.

- Năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận KSV và cán bộ quản lý, chỉ đạo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Một bộ phận nhỏ KSV có trình độ pháp luật và nghiệp vụ kiểm sát còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới; khối lượng công việc tăng đều hàng năm và yêu cầu ngày càng cao của việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong tiến trình cải cách tư pháp dẫn đến còn án trả hồ sơ điều tra bổ sung và một số vụ việc giải quyết còn để kéo dài.

- Mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và VKSND trong hoạt

động điều tra các vụ án về ma túy đôi khi còn chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND trong hoạt động điều tra, tuy pháp luật TTHS hiện hành đã quy định CQĐT phải thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKSND nhưng chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của CQĐT, thực ra chỉ là sự ràng buộc về thủ tục pháp lý, còn nội dung tiến hành các hoạt động điều tra như thế nào, thu thập những chứng cứ gì chủ yếu do ĐTV thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT quyết định.

Quan hệ phối hợp giải quyết án trong nhiều trường hợp còn thiếu chặt chẽ, có trường hợp đùn đẩy trách nhiệm. Từ khi có Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH11 và Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010) cho những người bị oan, sai đã nảy sinh tâm lý trong một số ít cán bộ, KSV nặng về chống làm oan người vô tội, thiếu kiên quyết, chưa thực sự chủ động phối hợp, yêu cầu CQĐT có biện pháp khắc phục việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Ngược lại, do nể nang, né tránh, ngại va chạm, có nơi bỏ qua sai lầm, vi phạm nghiêm trọng của CQĐT dẫn đến tình trạng vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

- Một bộ phận KSV chưa nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của VKSND trong hoạt động KSĐT nên chưa phát huy hết chức năng, quyền năng hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ; còn thụ động chờ việc của CQĐT, lệ thuộc vào CQĐT; không thực hiện tốt các yêu cầu kỹ năng của công tác kiểm sát như: KSĐT từ đầu; định kỳ phối hợp giữa ĐTV và KSV để tổng hợp, đánh giá chứng cứ, đề ra kế hoạch điều tra tiếp theo...

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác tổ chức cán bộ chưa thực sự khoa học và đi vào nề nếp; việc sắp xếp, bố trí cán bộ, KSV có phần dàn đều, chưa chú trọng đến các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật

tự. Việc phân công cán bộ làm công tác THQCT và KSĐT vụ án phức tạp, có nơi còn bố trí KSV năng lực còn hạn chế, thiếu kiến thức và kinh nghiệm cần thiết đảm nhiệm, dẫn đến việc thực hiện còn có thiếu sót.

- Một số trường hợp, khi tiến hành hoạt động kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, kiểm sát việc lập hồ sơ, biên bản vụ án còn tình trạng qua loa, tắc trách, không đúng quy định BLTTHS 2003, gây ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ, giá trị chứng minh tội phạm trong vụ án.

- Việc xác định thời hạn trong một số trường hợp gia hạn tạm giữ, tạm giam còn thiếu chính xác, cụ thể: một số vụ án, KSV không kiểm sát chặt chẽ cách tính thời hạn tạm giữ, tạm giam nên CQĐT vẫn tính nhầm giờ, ngày cho đối tượng bị tạm giữ, tạm giam.

- KSV được phân công KSĐT vụ án chưa chủ động nắm chắc tiến độ, kết quả điều tra và việc lập hồ sơ kiểm sát vụ án ngay từ đầu và trong quá trình điều tra để đề ra yêu cầu điều tra toàn diện, sát và đúng với thực tế vụ án; có trường hợp tuy đã đề ra yêu cầu điều tra nhưng không theo dõi, giám sát thường xuyên, chặt chẽ để bảo đảm việc điều tra được thực hiện nghiêm túc, vì vậy đã dễ xảy ra thiếu sót trong hoạt động điều tra dẫn đến việc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Về quyền bào chữa của tội về ma túy cũng chưa được thực hiện nghiêm túc do tâm lý của các ĐTV, KSV, Thẩm phán không muốn có luật sư tham gia vào quá trình tố tụng của vụ án do mình thụ lý nên họ thường lách luật bằng cách tư vấn, vận động người phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ từ chối mời luật sư. Mặt khác, một số luật sư được chỉ định bào chữa cho người phạm tội thường không làm hết trách nhiệm, thông đồng, thỏa hiệp với những người tiến hành tố tụng để giữ quan hệ. Chính vì những nguyên nhân nêu trên dẫn đến việc có thể không được những người tiến hành tố tụng đối xử phù hợp, không được hưởng đầy đủ các chính sách hình sự do Nhà

nước quy định khiến cho người phạm tội mất đi cơ hội được giáo dục, cải tạo để tái hòa nhập cộng đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ nội bộ còn hạn chế. Có nhiều cuộc kiểm tra mang tính hình thức; các vi phạm thường được lặp đi lặp lại nhiều năm nhưng vẫn chỉ dừng lại ở kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chưa có biện pháp mạnh để xử lý dứt điểm đối với những vi phạm đã mắc phải.

- Điều kiện làm việc, phương tiện kỹ thuật, kinh phí nghiệp vụ còn hạn chế đã giảm hiệu quả và tính kịp thời của hoạt động THQCT và KSĐT nhất là đối với hoạt động của KSV khi tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét và hỏi cung bị can.

- Chính sách đối với cán bộ, KSV; nhất là chính sách tiền lương, phụ cấp, điều kiện, phương tiện làm việc còn khó khăn, chưa tạo động lực phát huy sở trường của cán bộ.

- Nhận thức về THQCT ở giai đoạn điều tra vụ về ma túy của một số KSV còn hạn chế, chưa xác định rõ, chưa thấy hết trách nhiệm của mình khi được phân công thụ lý KSĐT các vụ án ma túy, có khi chỉ tiến hành các thủ tục ban đầu như: phê chuẩn lệnh tạm giam, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can ... sau đó gần như để mặc cho ĐTV tiến hành điều tra, mọi diễn biến liên quan đến việc giải quyết vụ án của ĐTV hoặc của CQĐT thì KSV gần như không quan tâm hoặc không nắm được. Chỉ đến khi vụ án được kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang VKS đề nghị truy tố thì KSV mới nắm được. Đến khi đó mới trực tiếp tiến hành xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ, do vậy không còn đủ thời gian để xử lý những sai sót, những mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án dẫn tới phải ra quyết định hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung nguồn chứng cứ. Theo số liệu báo cáo thống kê của VKSND thành phố Đà Nẵng thì số vụ án VKS phải hoàn trả cho CQĐT để điều tra bổ sung là năm 2010: 28 vụ; năm 2011: 19 vụ; năm 2012: 08 vụ; năm 2012: 13 vụ; năm 2014: 14 vụ; năm 2015: 12 vụ.

Kết luận Chương 2

Trong chương 2, tác giả đã sử dụng các phương pháp tổng hợp, tổng hợp, phân tích, so sánh đã làm rõ thực trạng trong KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng trong năm 2010 - 2015. Tác giả đã tập trung phân tích việc thi hành pháp luật trong các khâu công tác kiểm sát như: kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát áp dụng các biện pháp ngăn chặn, tạm đình chỉ, đình chỉ các vụ án hình sự, trả hồ sơ để điều tra bổ sung ... từ đó phân tích, đánh giá và nhận xét những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế đến hiệu quả hoạt động trong công tác KSĐT các vụ án về ma túy là cần thiết.

Ngoài ra tác giả cũng đã làm rõ những ưu điểm và kết quả đạt được trong hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về ma túy nói riêng. Nhằm đóng góp vào thực tiễn thi hành pháp luật của các cơ quan, làm rõ hơn về vai trò của Kiểm sát viên trong hoạt động Kiểm sát điều tra.

Vì vậy, việc tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong THQCT và Kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của VKSND nói chung và VKSND thành phố Đà Nẵng nói riêng cũng là nhiệm vụ quan trọng trong cải cách tư pháp hiện nay, nhằm không để xảy ra tình trạng khởi tố, áp dụng biện pháp, ngăn chặn, truy tố oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm góp phần thực hiện tốt công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đảng ta đã có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị về củng cố hoàn thiện bộ máy nhà nước trong đó có nội dung về cải cách tư pháp. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) khi đề cập đến nhiệm vụ cải cách tư pháp đã nêu: "Hoạt động tư pháp là nhằm đấu tranh nghiêm trị các tội chống Tổ quốc, chống chế độ, tội tham nhũng và các tội hình sự khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Khắc phục những biểu hiện hữu khuynh trong đấu tranh chống tội phạm" .

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đã nhấn mạnh: VKS các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Tiếp đó là Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 02/6/2006 của Bộ chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” chỉ rõ: “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra”.

Nâng cao chất lượng công tác KSĐT các vụ án về ma túy là trách nhiệm, là nhiệm vụ cấp bách của toàn ngành Kiểm sát. Từ cơ sở lý luận, từ hoạt động thực tiễn của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; xuất phát từ chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp. Học viên thấy rằng để nâng cao chất lượng công tác KSĐT các vụ án về ma túy đòi hỏi phải có nhiều giải

pháp đồng bộ, có tính hệ thống.

3.1. Dự báo tình hình tội phạm về ma túy trong thời gian tới

Trong những năm tới, cùng với sự phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển với tốc độ cao của khoa học công nghệ; sự tác động tiêu cực của mặt trái xã hội thì đặc điểm hình sự của tội phạm về ma túy thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng có những biểu hiện mới về nhân thân; thời gian, địa điểm gây án; công cụ phương tiện; thủ đoạn che giấu tội phạm, cụ thể là:

- Tình trạng tái phạm, tái phạm nguy hiểm đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, nhất là những đối tượng phạm tội về ma túy sau khi cải tạo về với xã hội ngày càng nhiều. Nhưng điều kiện xã hội để giúp họ thực sự hòa nhập với xã hội còn gặp nhiều khó khăn về công ăn, việc làm, tâm lý mặc cảm xã hội... số này tiếp tục giao du với các đối tượng xấu và có thể sẽ tiếp tục phạm tội.

- Về thời gian có thể xảy ra bất cứ thời gian nào; về địa điểm có thể xảy ra ngay tại gia đình, nơi công cộng, có thể xảy ra tại các nhà máy, các khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nếu không tăng cường đấu tranh, ngăn chặn sẽ ảnh hưởng lớn đến chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trên địa tỉnh.

- Về phương thức, thủ đoạn gây án, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, người phạm tội có thể sử dụng những thủ đoạn mới để thực hiện việc phạm tội gây khó khăn cho công tác điều tra.

Qua thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm về ma túy gây ra từ năm 2010 đến 2015, cho thấy diễn biến tình hình tội phạm này trên địa bàn tăng giảm không đồng đều, nhưng diễn biến của loại tội phạm này có thể tăng hay giảm phụ thuộc vào hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa của các cơ quan chức năng trên thực tiễn. Trong đó, CQĐT, VKSND và TAND ở thành phố

Đà Nẵng giữ vai trò nòng cốt. Vì vậy, có thể đánh giá rằng công tác phối hợp đấu tranh với loại tội phạm này giữa các cơ quan chức năng, trong đó nòng cốt là các cơ quan tư pháp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

Do đó, CQĐT, VKSND và TAND cần phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện tốt công tác phòng ngừa và phải có sự tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh, phát hiện, điều tra và làm rõ để xử lý nghiêm minh, góp phần làm giảm đáng kể tình trạng tội phạm ở địa bàn Thành phố Đà Nẵng nói chung và tội phạm về ma túy thực hiện nói riêng nhằm làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

3.2. Các giải pháp nâng cao năng lực kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy

3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động kiểm sát điều tra đối với các vụ án về ma túy

Trong tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát, Đảng giữ vai trò lãnh đạo về chính trị, tư tưởng; về tổ chức, cán bộ. Đó là việc xây dựng và thực hiện chiến lược quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quá trình bổ nhiệm các chức danh, đó là việc sắp xếp cán bộ có đủ đức, đủ tài, có năng lực trình độ vào những công việc trọng yếu của công tác tư pháp nói chung và công tác kiểm sát hoạt động tư pháp nói riêng. Đảng lãnh đạo bằng phương thức kiểm tra, kịp thời uốn nắn sai phạm, loại bỏ những cán bộ thoái hóa biến chất, không giữ được phẩm chất người cán bộ cách mạng, về phương thức, Đảng lãnh đạo nhưng không can thiệp trực tiếp, không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập, khách quan, vô tư và chỉ tuân theo pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thông qua việc cấp ủy Đảng định kỳ nghe báo cáo tình

hình hoạt động, thông qua kết quả kiểm tra, sẽ giúp cấp ủy Đảng đánh giá được những ưu khuyết điểm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND. Từ đó, có các chủ trương lãnh đạo, kiện toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan Viện kiểm sát.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, trong thời gian qua, chất lượng công tác tư pháp đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ; công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm có những chuyển biến tích cực. Nhận thức của các cấp ủy đảng và đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với hoạt động THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp; về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn; nhiều chính sách, chế độ được đổi mới, tạo điều kiện cho Ngành thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong đó có hoạt động KSĐT án hình sự.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng KSĐT vụ án hình sự nói chung, và KSĐT các vụ án về ma túy nói riêng; trong thời gian tới, toàn ngành Kiểm sát Đả Năng phải nhận thức và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Ngành. Các cấp ủy đảng cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy theo hướng sau:

- Đảng lãnh đạo ngành Kiểm sát chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động của ngành Kiểm sát được thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp ủy can thiệp vào hoạt động KSĐT; cán bộ và KSV thoát ly sự lãnh đạo của tổ chức Đảng hoặc thiếu tính chủ động, ỷ lại cấp ủy.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức Đảng, của đảng viên và chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức Đảng với các cơ quan tư pháp và các ban, ngành có liên quan theo hướng, cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp. Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Ngành phải được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, từ quá trình xây dựng chủ trương, đường lối, quan điểm đến việc chỉ đạo thực hiện đường lối, quan điểm đó. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nội dung của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Toà án, VKSND và CQĐT theo Nghị quyết 49-NQ/TW.

3.2.2. Tiếp tục hoàn thiện Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về các tội phạm về ma túy và kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy

Quy định cụ thể, rõ ràng mức tối thiểu đến mức tối đa định lượng các chất ma túy trong từng điều luật; thay đổi đơn vị tính từ “trọng lượng” thành “khối lượng”; bỏ hình phạt tử hình là những điểm mới liên quan đến các tội phạm về ma túy trong Bộ luật hình sự 2015. Điểm mới đáng lưu ý đầu tiên là Bộ luật hình sự 2015 đã tách Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 quy định về Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thành 4 tội riêng biệt đó là tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 249; tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 250; tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 251; và tội “*Chiếm đoạt chất ma túy*” được quy định tại Điều 252.

Việc thay đổi này được dựa trên thực tiễn cho thấy việc gộp chung các

tội danh trong cùng một điều luật gặp không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, trong việc xác định tội danh và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Như vậy các tội phạm về ma túy quy định tại Chương XX của Bộ luật hình sự 2015 gồm 13 điều luật, so với Bộ luật hình sự 1999 tăng thêm 3 điều luật (từ Điều 247 - Điều 259).

Về định lượng các chất ma túy, Bộ luật hình sự 2015 đã pháp điển hóa quy định cụ thể, rõ ràng mức tối thiểu đến mức tối đa định lượng các chất ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự trong từng điều luật, đó là các Điều 249, Điều 250, Điều 252; quy định cụ thể việc định lượng các tiền chất, các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy tại các Điều 253 và Điều 254. Đồng thời Bộ luật hình sự 2015 đã quy định thêm một số chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy đã được Chính phủ quy định vào các Điều luật cụ thể như chất ma túy Methamphetamine, Amphetamine, MDMA... Bộ luật hình sự 2015 có sự thay đổi về đơn vị tính, các vụ án ma túy từ trước đến nay khi thu giữ được vật chứng đều được xác định bằng gam, kilogam,... đây chính là đơn vị tính khối lượng chứ không phải trọng lượng. Vì vậy, Bộ luật hình sự 2015 đã thay đổi đơn vị tính từ “trọng lượng” thành “khối lượng” trong các điều luật để đảm bảo tính chính xác của đơn vị tính. Nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của đảng về giảm hình phạt tử Bộ luật hình sự 2015 đã bỏ hình phạt tử hình, quy định khung hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự 1999. Theo đó, khung hình phạt cao nhất đối với tội phạm về ma túy là tù chung thân.

Hiện nay ở nước ta có chất XLR-11 (gọi là cỏ Mỹ) và lá KHAT vì: Chất XLR-11 thuộc Danh mục II - Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu hóa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; Lá KHAT đã xuất hiện ở

nước ta và có chứa chất Cathinone thuộc Danh mục I - Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội. Quy định này cũng bảo đảm sự phù hợp với nguyên tắc pháp chế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp, do đó, đề nghị bổ sung quy định và “các loại lá, rễ, cây, hoa, quả khác có chứa chất ma túy” để tránh việc tùy tiện trong quá trình áp dụng pháp luật. Quy định như vậy vừa chặt chẽ, vừa có tính răn đe, phòng ngừa nhưng cũng đảm bảo tính linh hoạt cho BLHS

Cần quy định việc không cần xác định hàm lượng để quy ra khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy trong các điều 248, 249, 250, 251, 252 và tiền chất ma túy trong điều 253 BLHS năm 2015 (như luật hình sự hiện hành của hầu hết các nước đang áp dụng). quy định theo hướng này vừa đảm bảo tính khả thi dễ thực hiện trong thực tế nước ta hiện nay, vừa đảm bảo tính công bằng, nhất quán trong chính sách xử lý và về mặt chủ quan thì người phạm tội cũng cảm thấy hình phạt mình phải chịu là công bằng và thỏa đáng: người phạm tội với vật chứng lớn hơn sẽ phải chịu hình phạt nặng hơn. Quy định như vậy cũng đảm bảo được quyền con người trên khía cạnh quyền được đối xử công bằng và bình đẳng trước pháp luật. Các trường hợp cần thiết phải giám định hàm lượng như ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch; xái thuốc phiện và thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần cũng cần được quy định cụ thể trong Luật để tiện áp dụng.

3.2.3. Thực hiện tốt việc Quán triệt, triển khai, nghiên cứu, thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đi vào cuộc sống tại Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS số 100/2015/QH13 năm 2015 cùng Nghị quyết thi hành Bộ luật số 109/2015/QH13; BLTTHS số 101/2015/QH13 năm 2015 cùng Nghị quyết thi hành bộ luật số 110/2015/QH13.

Để Bộ luật hình sự sớm đi vào cuộc sống, ngày 19/2/2016 Chính phủ ban hành quyết định số: 272/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành BLHS và ngày 09/3/2016 ban hành Quyết định số 371/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành BLTTHS, trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành BLHS năm 2015 và BLTTHS 2015 bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

Để triển khai hiệu quả việc quán triệt, nghiên cứu, thi hành BLHS, BLTTHS 2015, ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng cần xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành các đạo luật mới cho cán bộ, KSV Viện kiểm sát hai cấp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị nhằm phổ biến, quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung các đạo luật đến cán bộ, công chức trong đơn vị, để bản thân mỗi cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, nắm bắt đầy đủ các quy định của các Bộ luật để áp dụng trực tiếp vào công việc của mình; kế hoạch triển khai thực hiện phải xác định cụ thể nội dung triển khai, thời hạn, tiến độ hoàn thành và phân công trách nhiệm để mỗi cán bộ, công chức có thời gian chuẩn bị, thấy được việc nghiên cứu vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ trong việc cập nhật kiến thức pháp luật để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phải kết hợp nhiều hình thức triển khai quán triệt, phổ biến, nghiên cứu, trong đó chú trọng hình thức tự nghiên cứu kết hợp với tổ chức các buổi triển khai, quán triệt tập trung như tập huấn trực tuyến, tập huấn chuyên sâu. Đầu tư kinh phí để triển khai đăng ký mua đầy đủ các Bộ luật để trang bị cho 100% cán bộ, công chức làm nghiệp vụ chủ động nghiên cứu.

Cùng với việc tổ chức các Hội nghị tập huấn, quán triệt, đơn vị còn có thể tổ chức các cuộc thi để thông qua đó tạo ra một sân chơi bổ ích cho mỗi cán bộ, KSV, tạo tinh thần sôi nổi nghiên cứu, học tập đến toàn thể cán bộ công chức trong ngành Kiểm sát Đà Nẵng, từ đó kịp thời hiểu đúng, đầy đủ những quy định mới của BLHS, BLTTHS 2015 để áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao.

Với phương châm “*mưa dầm, thấm lâu*”, cùng với kết quả từ các hội nghị tập huấn chuyên sâu và việc tự giác nghiên cứu của mỗi cán bộ, công chức của đơn vị, thì cán bộ, KSV sẽ không lúng túng khi áp dụng, kịp thời vận dụng có hiệu quả các quy định của luật để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành, và cùng với thời gian, những kiến thức đó sẽ được chuyển thành những kỹ năng trong hoạt động chuyên môn của mỗi cá nhân.

3.2.4. *Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao nhận thức về công tác kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy*

Trong mọi hoạt động của các cơ quan, tổ chức thì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành luôn giữ vai trò hết sức quan trọng, là yếu tố xuyên suốt quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, quyết định mức độ thành công trong việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra của cơ quan, tổ chức đó. Những năm gần đây, cùng với việc tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã không ngừng quan tâm, chú trọng và tích cực tìm tòi, đổi mới một cách toàn diện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên tất cả các mặt hoạt động của Ngành. Vì vậy, lãnh đạo Viện có thể thông qua công tác quản lý để nắm chắc được hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trực thuộc, qua đó đưa ra biện pháp chỉ đạo, điều hành có hiệu quả, sát với thực tế.

Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành ở từng khâu công tác kiểm sát phải bảo đảm chế độ tập trung thống nhất trong ngành, song cũng cần thực hiện tốt

chế độ phân cấp quản lý theo quy định tại các Quy chế công tác THQCT, kiểm sát xét xử hình sự, kiểm giám giữ cải tạo. Có như vậy mới tăng cường chế độ trách nhiệm và mới phát huy được tính chủ động sáng tạo của ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng trong hoạt động THQCT và KSDT vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn và những tồn tại, hạn chế, nhằm đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng phải tiếp tục đổi mới toàn diện, tập trung ở các nội dung sau:

- + Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ, thông qua đó, nắm được toàn bộ tình hình và diễn biến vi phạm, tội phạm xảy ra, đồng thời quản lý chặt chẽ thời hạn, tiến độ vụ án hình sự để phân công KSV kiểm sát điều tra phù hợp với năng lực. Thông qua chế độ báo cáo, giao ban định kỳ để đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các vụ việc nổi cộm, bức xúc, phức tạp hoặc có khó khăn, vướng mắc để có biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- + Đổi mới công tác quản lý cán bộ, bên cạnh việc quản lý nghiệp vụ, phải tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đặc biệt là việc nhận xét, đánh giá, sử dụng cán bộ bảo đảm phù hợp với công việc, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ; phòng ngừa tiêu cực, vi phạm; phát hiện và khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót, vi phạm của cán bộ.

3.2.5. Kiện toàn tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên.

3.2.5.1. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức

Để bảo đảm hoạt động KSDT các vụ án về ma túy đạt chất lượng và hiệu quả, việc kiện toàn, đổi mới công tác tổ chức bộ máy là việc làm có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong công tác kiểm sát cũng như trong bất cứ công việc nào, nhân tố con người có vai trò quyết định. Theo Chủ tịch Hồ

Chí Minh: *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc có thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”* [11, tr.269, 273] do đó công tác lựa chọn, sử dụng cán bộ là khâu vô cùng quan trọng.

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ của ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng đã có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng cán bộ từng bước được bảo đảm, là điều kiện quan trọng nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành của bộ máy vẫn còn một số tồn tại, yếu kém, thể hiện như: Công tác tổ chức và cơ cấu bộ máy ở một số đơn vị cấp huyện vẫn chậm đổi mới; việc sắp xếp cán bộ có lúc, có nơi chưa hợp lý, vì vậy chưa phát huy được hết năng lực, sở trường của từng cán bộ, KSV. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đã được đầu tư, quan tâm thỏa đáng, thực hiện theo hướng đồng bộ, nhưng lại thiếu chuyên sâu; công tác quy hoạch, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ chưa thực sự khoa học; một số cán bộ sau khi được đề bạt, bổ nhiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu do trình độ năng lực, nhất là năng lực quản lý còn hạn chế...

Nhằm khắc phục những yếu kém, tồn tại về công tác tổ chức bộ máy, trong thời gian tới, cần thực hiện những giải pháp sau:

- VKSNDTC tiếp tục chỉ đạo ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị theo đúng quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng theo yêu cầu cải cách tư pháp.

- Ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng cần rà soát, xác định rõ nhu cầu về biên chế và cơ cấu cán bộ, KSV của từng đơn vị trực thuộc để đề nghị VKSNDTC quyết định giao biên chế cho phù hợp. Nhu cầu về biên chế không chỉ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc như: số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm mà phải còn xác định căn cứ vào chức năng,

nhiệm vụ của ngành; các nhiệm vụ chính trị khác thuộc phạm vi ngành phải giải quyết và các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội của từng đơn vị. Trên cơ sở đó báo cáo VKSNDTC tổng hợp để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin bổ sung biên chế cho ngành và phân bổ biên chế cho đơn vị.

- Quá trình kiện toàn tổ chức cán bộ phải quán triệt nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu nội dung cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị. Phải xác định rõ yêu cầu và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng; hàng năm rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, KSV để sắp xếp, bố trí đúng người, đúng việc nhằm phát huy hết năng lực, sở trường.

- Phải làm tốt công tác kiểm tra để phát hiện uốn nắn những sai sót đồng thời xử lý nghiêm những cán bộ KSV, đảng viên có những biểu hiện tiêu cực, tha hóa biến chất không còn xứng đáng đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đây là một trong những biện pháp để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Như vậy, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng có một vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành nói chung, trong áp dụng KSĐT các vụ án hình sự nói riêng và đáp ứng yêu cầu trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

3.2.5.2. Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ Kiểm sát viên tham gia KSĐT các vụ án về ma túy

Những hạn chế, tồn tại trong công tác KSĐT các vụ án về ma túy như đã phân tích ở trên do nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân rất cơ bản là do trình độ năng lực, chuyên môn của một bộ phận cán bộ, KSV. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: “*Công tác cán bộ tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ*

cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ năng lực nghiệp...” [5].
Do vậy, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, KSV là việc làm có ý nghĩa quyết định nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Trong những năm qua ngành Kiểm sát luôn quan tâm, chú trọng đến công tác cán bộ, đã phát động nhiều phong trào thi đua để rèn luyện đội ngũ cán bộ, KSV như thực hiện *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* phấn đấu thực hiện tốt tiêu chí Người cán bộ kiểm sát theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”* và cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV của ngành: *“Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm, bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”*. Qua đó đã giúp cho đội ngũ cán bộ, KSV tự giác, tu dưỡng rèn luyện năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng cần thực hiện một cách khoa học, bài bản và theo hướng trọng tâm một số giải pháp sau:

- + Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để mỗi cán bộ, KSV nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ngành; xác định rõ vị trí, vai trò của Ngành trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp khác và trong bộ máy nhà nước, giúp cho mỗi KSV phát huy được tính độc lập của mình, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định trong hoạt động THQCT và KSĐT.

- + Đào tạo, bồi dưỡng để mỗi cán bộ, KSV phải có kiến thức pháp lý sâu rộng, kỹ năng nghiệp vụ nhất là pháp luật hình sự và TTHS; ngoài ra trong công tác giải quyết các vụ án về ma túy đòi hỏi cán bộ, KSV phải có kiến thức xã hội sâu rộng, hiểu biết...

- + Hàng năm, ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng phải chủ động xây

dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đăng ký, cử cán bộ, KSV đi đào tạo. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo, đào tạo ngoại ngữ, tin học.

Xuất phát từ tính đặc thù của hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; cán bộ, KSV ngành Kiểm sát thường xuyên phải đối mặt với những tiêu cực của xã hội, tiếp xúc với nhiều loại vi phạm, tội phạm. Trong môi trường, điều kiện, hoàn cảnh như vậy dễ làm cho mỗi người có thể bị sa ngã nếu không có lập trường chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt. Để thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- + Tiếp tục đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, tổ chức các lớp tập huấn, quán triệt nghiêm túc và sâu rộng các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của Ngành.

- + Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra để kịp thời khắc phục, uốn nắn hoặc kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời các cán bộ, KSV có vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ làm trong sạch đội ngũ cán bộ.

- + Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế hoạt động nghiệp vụ, các quy định, nội quy kỷ luật của Ngành, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Ngành.

Mỗi cán bộ - KSV ngành kiểm sát phải nắm vững, nhận thức và thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành. Việc nắm vững được chức năng, nhiệm vụ của ngành cũng giúp cho cán bộ - KSV xác định được mối liên hệ giữa quyền hạn và trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ; buộc cán bộ - KSV phải gắn trách nhiệm của ngành, của cá nhân mình với công việc đang thực hiện.

Việc nắm vững và nhận thức đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành

không chỉ đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện, xử lý kịp thời, góp phần đảm bảo pháp chế XHCN mà còn hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung trong KSĐT các vụ án hình sự nói riêng. Ngược lại, nếu không nắm vững chức năng nhiệm vụ của ngành thì sẽ không thực hiện đúng, thực hiện hết chức năng, không đáp ứng được với yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát nhân dân.

Công tác KSĐT các vụ án về ma túy là một giai đoạn quan trọng trong cả các giai đoạn tố tụng. Đòi hỏi người cán bộ - KSV phải có năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Có được những yếu tố trên sẽ giúp cho người cán bộ - KSV khi thực hiện nhiệm vụ sẽ có những đề xuất, quyết định, áp dụng pháp luật đúng đắn, chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

Để nâng cao việc nhận thức pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ KSV; một biện pháp cũng quan trọng đó là VKSND thành phố Đà Nẵng cần phải thường xuyên tổ chức những cuộc hội thảo theo các chuyên đề; tổ chức những cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật; những cuộc thi xử lý các tình huống trong hoạt động KSĐT; thi viết cáo trạng, luận tội ... nhằm thúc đẩy phong trào hăng say nghiên cứu, học tập nhiệm vụ chuyên môn.

Đối với công tác tổ chức cán bộ, nên chấm dứt tình trạng những người không có bằng cử nhân luật được tiếp nhận vào làm công việc hành chính, sau đó cử đi học các hệ đào tạo không chính quy để rồi bố trí số người này vào làm công tác chuyên môn nghiệp vụ. Mặt khác, trong công tác cán bộ cũng nên chú ý, đào tạo cho những cán bộ có năng lực, có khả năng đi học sau đại học hoặc làm nghiên cứu sinh để họ có thể trở thành những chuyên gia hàng đầu trong những khâu công tác nghiệp vụ.

3.2.5.3. Đổi mới về nội dung và phương pháp Kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy

Nhằm đổi mới nội dung và phương pháp kiểm sát điều tra các vụ án về

ma túy, ngành Kiểm sát thành phố Đà Nẵng cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Trong hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: Phải thực hiện xây dựng đầy đủ 100% hồ sơ kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Hàng ngày, KSV được phân công kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải chủ động phối hợp với ĐTV làm tốt công tác phân loại xử lý thông qua việc đối chiếu, rà soát những số liệu do CQĐT thụ lý. Hàng tháng, lãnh đạo các đơn vị chủ trì phối hợp với lãnh đạo Cơ quan điều tra cùng cấp kiểm tra, đối chiếu toàn bộ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã thụ lý trong tháng, để thống nhất biện pháp giải quyết. Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm phức tạp, gặp khó khăn trong đánh giá chứng cứ, lãnh đạo các đơn vị chủ động họp bàn với Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp xây dựng kế hoạch xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, KSV phải tích cực bám sát vào quá trình điều tra thông qua các hành vi trực tiếp kiểm sát như khám nghiệm hiện trường, tử thi; thực nghiệm điều tra; khám xét, thu thập dấu vết, tài liệu, vật chứng; hỏi cung bị can, ghi lời khai nhân chứng, các biên bản về hoạt động điều tra như đối chất...; kết hợp giữa việc trực tiếp tham gia hoạt động điều tra với kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ điều tra của Điều tra viên.

Kịp thời nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để tác động với cơ quan điều tra định hướng điều tra và giải quyết các tình huống xảy ra theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát cấp dưới cần tranh thủ ý kiến và sự giúp đỡ của Viện kiểm sát cấp trên đối với những vụ án phức tạp thuộc thẩm quyền cấp mình giải quyết theo chế độ thỉnh thị án để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nhanh chóng kết thúc vụ án.

- Trước khi kết thúc điều tra vụ án, KSV phải phối hợp chặt chẽ với ĐTV rà soát lại toàn bộ chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và các thủ tục tố tụng đối với vụ án, bị can; khi cần thiết có thể trực tiếp cùng với ĐTV lấy lời khai, hỏi bản cung tổng hợp để đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội của từng bị can trong vụ án. Đồng thời, khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong việc thu thập chứng cứ, tài liệu để kết luận hành vi phạm tội của các bị can trong vụ án. Sau khi kết thúc điều tra, KSV tiếp tục nghiên cứu kỹ hồ sơ, phát hiện kịp thời những mâu thuẫn trong vụ án; thực hiện việc phúc cung tổng hợp đối với từng bị can, nhất là đối với những vụ án phức tạp, bị can phạm tội nghiêm trọng, bị can chối tội, phản cung hoặc có mâu thuẫn giữa các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để từ đó đề xuất đường lối xử lý vụ án.

- Viện kiểm sát hai cấp cần mở sổ theo dõi đầy đủ, kịp thời để tích lũy vi phạm của CQĐT để tổng hợp, xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm. Trên cơ sở đó ban hành kiến nghị, đưa ra các biện pháp để khắc phục vi phạm nhằm bảo đảm cho công tác điều tra được nâng cao, pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Yêu cầu của đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta hiện nay đặt ra những đòi hỏi cần phải kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan tư pháp; trong đó có việc tăng thẩm quyền cho các đơn vị tư pháp cấp huyện. Đây là một bước đột phá trong cải cách tư pháp mà Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị (khóa IX) đặt ra.

Hiện nay, Nhà nước ta đã trao thẩm quyền trên cho một số đơn vị cấp huyện (chủ yếu là các quận, thành phố trực thuộc tỉnh và các huyện lớn) có đủ khả năng và điều kiện để thực hiện thẩm quyền mới này. Việc quy định trên, xuất phát từ tình hình thực tế giải quyết án về ma túy và án hình sự trong phạm vi toàn quốc; nhằm tránh gây ùn tắc, quá tải cho các cơ quan tư pháp

cấp tỉnh; mặt khác nâng cao vai trò, vị trí và tính chủ động độc lập của các cơ quan tư pháp cấp huyện.

Xuất phát từ yêu cầu trên, đảm bảo cho công tác KSĐT đáp ứng được yêu cầu tình hình mới, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Mỗi đơn vị VKS cấp huyện cần có báo cáo tình hình, dự báo diễn biến tình hình vi phạm và tội phạm; khả năng thụ lý giải quyết những vụ án hình sự; những khó khăn, vướng mắc và những đề xuất, những yêu cầu mới lên cấp trên để sớm có những biện pháp giải quyết, đáp ứng kịp thời.

- Mỗi đơn vị cấp phòng nghiệp vụ, huyện phải cử ít nhất một KSV có năng lực thật sự thực hiện công tác phân loại, xử lý tin báo tội phạm. Ở cấp huyện mỗi đơn vị phải phân công ít nhất 50% KSV thực hiện chức năng KSĐT các vụ án hình sự. Ở cấp tỉnh, cần tăng cường thêm những KSV có năng lực chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có khả năng tham mưu, chỉ đạo nghiệp vụ cho cấp huyện.

- Hiện nay ngành kiểm sát đã thực hiện quy chế thông khâu trong hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy Đây là quy định cần thiết, có hiệu quả nhưng chỉ phù hợp với cấp huyện. Đối với cấp tỉnh nên thực hiện quy chế chuyên khâu nhằm đảm bảo khả năng giám sát các giai đoạn kiểm sát các vụ án về ma túy.

3.2.6. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra đối với các vụ án về ma túy

Hoạt động phối hợp với CQĐT vừa là trách nhiệm, vừa là điều kiện để nâng cao chất lượng công tác kiểm sát nói chung và hoạt động KSĐT các vụ án về ma túy.

Mối quan hệ giữa CQĐT với Viện kiểm sát được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định, đồng thời được thực hiện theo những hình thức cơ bản: CQĐT và Viện kiểm sát có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với nhau trong hoạt động TTHS, bắt đầu từ việc tiếp nhận tin báo tội phạm và khởi tố vụ án.

Hoạt động KSDT của Viện kiểm sát mang tính chế ước hoạt động điều tra của CQĐT trong TTTHS theo quy định của pháp luật, mà cụ thể trong giai đoạn khởi tố vụ án là kiểm sát việc khởi tố... Do vậy, giữa hai cơ quan phải phối hợp thường xuyên, thông tin cho nhau biết về những vấn đề liên quan đến giải quyết vụ án, không để bất đồng mâu thuẫn gây khó khăn cho công tác điều tra khám phá vụ án và ngược lại cũng không được nể nang thông cảm cho những thiếu sót để dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật.

Hoạt động tố tụng của CQĐT là đối tượng chịu sự kiểm sát của VKSND. Vì sự đan xen ấy nên, nếu không có sự phối hợp chặt chẽ, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo luật định thì VKSND sẽ gặp khó khăn, thậm chí gặp lực cản trong hoạt động KSDT. Xây dựng được mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa hai cơ quan này sẽ tránh được tình trạng “quyền anh, quyền tôi” trong tiến hành tố tụng, đồng thời sẽ tập trung trí tuệ của cả KSV và ĐTV để việc điều tra tội phạm nhanh chóng thu được kết quả.

Để có sự phối kết hợp hiệu quả, Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã chủ động xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác giải quyết án hình sự trong đó có quy định về việc hợp thường xuyên và bất thường giữa CQĐT với Viện kiểm sát; các vấn đề chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp trên; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong hoạt động tố tụng để thống nhất việc giải quyết. Các vụ án về ma túy phải phân công cho ĐTV, KSV có kinh nghiệm,... Trong Quy chế phối hợp đã quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của mỗi cơ quan, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành do pháp luật quy định, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc bỏ qua nguyên tắc, xử lý tùy tiện.

3.2.7. Tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc và đảm bảo chính sách đãi ngộ cho cán bộ, Kiểm sát viên

Thực hiện tinh thần của các Chỉ thị và Nghị quyết của Đảng, trong thời

gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã có sự quan tâm đặc biệt đối với các cơ quan tư pháp nói chung, với ngành Kiểm sát nói riêng. Nhờ đó cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc của các cơ quan Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng đã có sự cải thiện rõ rệt. Hầu hết trụ sở các đơn vị đã được xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc và mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn. Chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, KSV đã có những bước tiến bộ như phụ cấp, bồi dưỡng phiên tòa và khám nghiệm hiện trường, công tác phí... Nhờ đó điều kiện làm việc cũng như đời sống cán bộ KSV phần nào được cải thiện. Điều đó tạo ra sự phấn khởi, thoải mái nhất định trong các cán bộ, KSV.

Tuy nhiên, so với thực tế yêu cầu của công tác kiểm sát trong hoàn cảnh hiện nay thì còn những vấn đề khó khăn đặt ra như: một số trụ sở làm việc ở VKSND cấp huyện đã xây dựng trên 20 năm, tuy được cải tạo sửa chữa nhưng không đáp ứng được với yêu cầu trong tình hình mới, khu vực làm việc quá chật chội (có nơi 3 Kiểm sát viên/phòng 10m²); một số trang thiết bị làm việc sẵn có thì đã lạc hậu, những cái mới có thì còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu... So với yêu cầu nhiệm vụ thì chế độ trách nhiệm của các KSV rất nặng nề, trong đó đồng lương lại thấp, chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng nên đời còn gặp nhiều khó khăn; một số cán bộ, KSV phải chật vật, lo toan cuộc sống hàng ngày nên không yên tâm và nhiệt tình dồn tâm sức cho công tác chuyên môn nên ảnh hưởng một phần đáng kể tới chất lượng công tác.

Do vậy, cần có hướng đầu tư và hỗ trợ hơn nữa để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho VKSND hai cấp như xây dựng, nâng cấp các trụ sở làm việc theo quy mô mới; tăng cường đầu tư và trang bị cơ sở vật chất và các phương tiện để phục vụ công việc... cần có chính sách tháo gỡ ở tầm vĩ mô nhằm cải thiện thang bảng lương, chế độ phụ cấp đãi ngộ thỏa đáng tương xứng với khối lượng và tính chất công việc đối với cán bộ kiểm sát.

Kết luận Chương 3

Từ việc nghiên cứu cụ thể những dự báo các yếu tố tác động đến hoạt động KSĐT và các yêu cầu đảm bảo chất lượng KSĐT của VKSND đối với các vụ án về ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tại chương 3, tác giả đã đề ra một số giải pháp đối với Viện kiểm sát hai cấp thành phố Đà Nẵng nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác KSĐT đối với các loại tội phạm nói chung và KSĐT các vụ án về ma túy, đáp ứng yêu cầu tiến trình cải cách tư pháp của nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Công tác KSĐT các vụ án về ma túy theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam của ngành kiểm sát nói chung và của VKSND thành phố Đà Nẵng nói riêng đã đạt được những thành tích đáng kể. Góp phần ổn định về chính trị, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tập thể; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân. Bên cạnh những thành tích đã đạt được, Công tác KSĐT các vụ án về ma túy vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, vi phạm như: bỏ lọt tội phạm, phần nào chưa kiểm soát được tình hình tội phạm ma túy ngày càng đang diễn biến phức tạp; chưa đáp ứng được tình hình mới hiện nay.

Để khắc phục tình trạng trên và nâng cao chất lượng trong công tác KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng, tác giả luận văn đã sử dụng, kết hợp các phương pháp, nghiên cứu và tiếp thu những thành tựu của những người đi trước, so sánh và đối chiếu những tài liệu, đánh giá thực trạng trong công tác KSĐT các vụ án về ma túy. Từ đó đề ra những giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng trong KSĐT các vụ án về ma túy. Cụ thể luận văn tập trung vào các vấn đề sau:

Phân tích những vấn đề chung về hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy theo pháp luật Tố tụng hình sự của các cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân.

Thực trạng trong công tác kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2010-2015.

Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2010 đến năm 2015. Tác giả đã chú ý phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được và những mặt còn hạn chế, những thiếu sót và cả những vi

phạm phổ biến thường hay mắc phải của các đơn vị trong ngành kiểm sát thành phố Đà Nẵng.

Từ những giải pháp nâng cao gồm nhóm hoàn thiện pháp luật, nhóm thực hiện pháp luật của cơ quan VKS và những cá nhân có thẩm quyền thi hành pháp luật trong KSĐT các vụ án về ma túy. Thực hiện tốt những giải pháp này sẽ góp phần đáng kể tháo gỡ những khó khăn, những vướng mắc và những hạn chế được những vi phạm nảy sinh trong hoạt động thi hành pháp luật trong KSĐT các vụ án về ma túy của VKSND thành phố Đà Nẵng.

Những kết quả đã đạt được trong luận văn cho thấy có sự nỗ lực, cố gắng của bản thân tác giả; sự giúp đỡ nghiêm túc và tinh thần đầy trách nhiệm của các thầy cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong ngành kiểm sát và đặc biệt là sự giúp đỡ của thầy hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân tác giả; nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Cẩm (2004), *Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách của các cơ quan Tư pháp cần thực hiện trong năm 2000*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác trong thời gian tới*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

11. Hồ Chí Minh Toàn tập (T5) (2002), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Quốc hội (1995), *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992, 2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Quốc hội (1999, 2009, 2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2002, 2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2003, 2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
17. Trịnh Duy Tám (2014), *Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân ở Việt Nam hiện nay*.
18. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
20. Nguyễn Huy Thuật chủ biên (1994, 1995), *Giáo trình Khoa học điều tra hình sự, tập 1, 2, 3, 4* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
21. Hà Mạnh Trí (2003), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số tháng 01/2003.
22. Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người (2001), *Tài liệu hội thảo khoa học quyền con người trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.
23. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình Công tác kiểm sát, Tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

25. Lại Hợp Việt (2010), *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân trước yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế*, Tạp chí kiểm sát, Hà Nội.
26. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Võ Khánh Vinh chủ biên (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Võ Khánh Vinh chủ biên (2014), *Luật hình sự Việt Nam- Phần chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), *TTLT số 05/2005/VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.
30. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VTC ngày 02/01/2008*, Hà Nội.
31. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ*, Kiểm sát viên.
32. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng
33. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (2013), *Thông tư liên tịch số: 06/2003/TTLT ngày 02/8/2013 hướng dẫn thi hành quy định của BLTTHS về Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*.

34. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, tập 1, Hà Nội.
35. Viện Kiểm sát nhân dân (2000), *Quy chế kiểm sát điều tra án hình sự*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
36. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2010), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân năm 2010*, Đà Nẵng.
37. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2011), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2011*, Đà Nẵng.
38. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2012) *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2012*, Đà Nẵng.
39. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2013), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2013*, Đà Nẵng.
40. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2014), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2014*, Đà Nẵng.
41. Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng (2015), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng năm 2015*, Đà Nẵng.
42. Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), *Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02.01.2008 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao về việc ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự*.